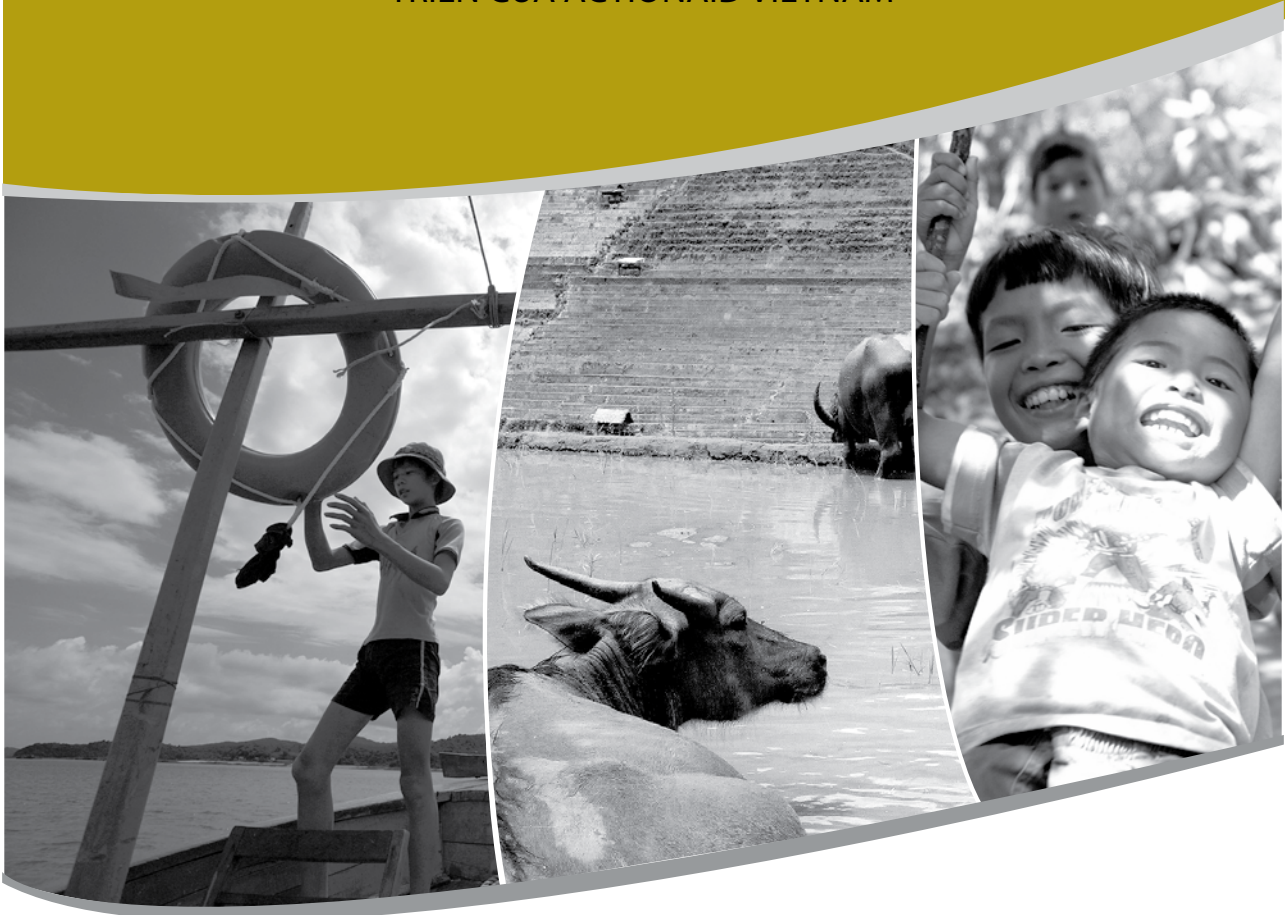


BÁO CÁO KHẢO SÁT

QUYỀN TIẾP CẬN ĐẤT CỦA PHỤ NỮ TỪ THỰC TRẠNG CẤP
GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT TẠI 6 VÙNG PHÁT
TRIỂN CỦA ACTIONAID VIETNAM



Bản quyền: 2008 - ActionAid Việt Nam

ActionAid Việt Nam giữ bản quyền cuốn sách này.

Quan điểm trình bày trong cuốn sách này là của các tác giả. Những quan điểm này không nhất thiết phản ánh quan điểm và chính sách của ActionAid Việt Nam.

ActionAid Việt Nam không đảm bảo tính chính xác của các số liệu được trình bày trong ấn phẩm này và không chịu trách nhiệm về bất cứ hậu quả nào do việc sử dụng các số liệu này gây ra.

Việc sử dụng thuật ngữ “nước, đất nước” (nếu có) không hàm ý sự bình luận của các tác giả hoặc của ActionAid tại Việt nam về tư cách pháp nhân hay các vị thế khác của bất cứ vùng lãnh thổ nào.

BÁO CÁO KHẢO SÁT

QUYỀN TIẾP CẬN ĐẤT CỦA PHỤ NỮ TỪ THỰC TRẠNG CẤP
GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT TẠI 6 VÙNG PHÁT
TRIỂN CỦA ACTIONAID VIETNAM



LỜI NÓI ĐẦU

Phụ nữ là lực lượng sản xuất nông nghiệp chính của thế giới, song vì những tập quán và nguyên nhân văn hóa xã hội khác nhau nên phụ nữ lại là nhóm đối tượng dễ bị ảnh hưởng bởi tình trạng đói nghèo hơn nam giới. Trên thế giới, cứ bảy trên mười người sống trong cảnh đói là phụ nữ và trẻ em gái.

Trong những năm qua, Việt Nam luôn được coi là một tấm gương về phát triển và xóa đói giảm nghèo, đưa hàng triệu người thoát nghèo. Tuy nhiên, mục tiêu giảm tỷ lệ nghèo trong những năm tới vẫn là một thách thức lớn do khoảng cách giàu nghèo ngày một tăng và những bất cập trong phân phối và tiếp cận đất sản xuất và tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt là đối với phụ nữ.

Giống như một số nước đang phát triển khác, ở Việt Nam, định kiến về vai trò và vị thế xã hội của người phụ nữ đã hạn chế phần nào sự tiếp cận độc lập và an toàn tới tài nguyên đất. Tuy phụ nữ và nam giới đều có quyền và có khả năng thực hiện, quản lý tài nguyên bền vững nhưng họ nhận thức về sử dụng quyền khác nhau tùy theo điều kiện tiếp cận nguồn đất đai. Ngay cả khi luật pháp đảm bảo quyền tiếp cận đất đai của phụ nữ và nam giới bình đẳng như nhau, phụ nữ vẫn không nhận thức được quyền lợi của họ. Thêm vào đó, phong tục tập quán ở một số nơi đã bỏ qua quyền tiếp cận và sử dụng thực tế được pháp luật công nhận này.

Trong gia đình việc không thực sự được làm chủ nguồn đất đai, tư liệu, công cụ sản xuất, người phụ nữ luôn ở vào vị thế phụ thuộc, vai trò giới không được phát huy, vị thế đói nghèo, chậm phát triển luôn là ẩn họa đối với người phụ nữ và con cái họ.

Trước thực trạng trên, ActionAid Việt Nam quyết định phối hợp cùng Mạng lưới Các tổ chức xã hội dân sự vì an ninh lương thực và giảm nghèo CIFPEN tiến hành cuộc khảo sát về “Quyền tiếp cận đất của phụ nữ - nhìn từ thực trạng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại 6 vùng phát triển của ActionAid Việt Nam”. Báo cáo cung cấp hiện trạng cấp giấy chứng nhận sử dụng đất mang tên cả hai vợ chồng theo Luật Đất đai 2003 và nhận thức của người dân nói chung, đặc biệt là phụ nữ về ý nghĩa của giấy chứng nhận đối với quyền tiếp cận đất của họ. Từ đó, báo cáo sẽ đưa ra những khuyến nghị nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng về quyền bình đẳng hợp pháp trong tiếp cận và sử dụng đất; về tầm quan trọng của việc thực hiện tiếp cận và sử dụng đất của phụ nữ đối với sinh kế bền vững và an ninh lương thực; và kêu gọi chính quyền địa phương đảm bảo và thực hiện quyền tiếp cận và sử dụng đất của phụ nữ.

Báo cáo là một hoạt động thuộc Chiến dịch Chung tay Xóa đói nghèo (HungerFREE) do ActionAid phát động tại nhiều nước trong 5 năm từ 2006 đến 2010 nhằm kêu gọi các chính phủ thực hiện cam kết “giảm một nửa số người đói trên thế giới vào năm 2015” đã được nhất trí tại Hội nghị thượng đỉnh Lương thực thế giới năm 1996.

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN	2
MỤC LỤC	3
BẢNG CHỮ VIẾT TẮT	5
CHƯƠNG I : GIỚI THIỆU CHUNG	7
1.1. Bối cảnh	7
1.2. Mục đích và mục tiêu khảo sát	9
1.3. Phạm vi khảo sát:	10
1.4. Phương pháp khảo sát	
1.5. Tổng quan về địa bàn khảo sát:	
1.6. Năng lực nhóm và những khó khăn trong quá trình nghiên cứu	24
1.7. Một số từ ngữ/ khái niệm liên quan trong báo cáo khảo sát	25
CHƯƠNG 2: KẾT QUẢ KHẢO SÁT	27
2.1. Một số vấn đề từ các văn bản chính sách pháp luật liên quan đến việc cấp GCN QSD đất 2 tên	27
2.2. Thực trạng của việc cấp GCN QSD đất 2 tên ở các địa bàn khảo sát	31
2.3. Nhận thức của cộng đồng về vấn đề giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 2 tên	45
2.4. Ảnh hưởng/tác động của GCN QSD đất 2 tên đối với đời sống cộng đồng, đặc biệt là phụ nữ.	50
2.5. Những giải pháp bền vững nhằm thúc đẩy việc cấp và sử dụng GCNQSD đất 2 tên	
CHƯƠNG 3: KẾT LUẬN, KHUYẾN NGHỊ VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM	64
3.1 - Kết luận	64
3.2. - Kiến nghị:	66
3.3 - Bài học kinh nghiệm rút ra từ đợt khảo sát	69
TÀI LIỆU THAM KHẢO	
PHỤ LỤC	

TỪ VIẾT TẮT

AAV	ActionAid Việt Nam
CIFPEN	Mạng các tổ chức dân sự xã hội vì an ninh lương thực và giảm nghèo
KSD	Khảo sát đất
CSAGA	Trung tâm nghiên cứu và ứng dụng khoa học về Giới – Gia đình - Phụ nữ - Vị thành niên
PVS	Phòng vấn sâu
TLN	Thảo luận nhóm
CCĐH	Câu chuyện điển hình
KTXH	Kinh tế xã hội
GCN QSĐĐ	Giấy chứng nhận
PO AAV	Cán bộ dự án của Actionaid Việt Nam
QSD	Quyền sử dụng
TTLB	Thông tư liên bộ
BTC	Bộ tài chính
BTNMT	Bộ Tài nguyên Môi trường
UBND	Ủy ban nhân dân
HPN	Hội phụ nữ
CP	Chính phủ
QH	Quốc Hội

TT	Thông tư
NĐ	Nghị định
HB	Hoà Bình
LC	Lai Châu
KNKL	Khuyến nông, khuyến lâm
KT	Kinh tế
XH	Xã hội
SXNN	Sản xuất nông nghiệp
TNMT	Tài nguyên môi trường
LHPN	Liên hiệp phụ nữ
EU	Cộng đồng Châu Âu.
ESCAP	Tổ chức kinh tế xã hội Châu Á Thái Bình Dương.
UNDP	Tổ chức phát triển Liên hợp Quốc Tại Việt Nam.
DIPECHO	Thuộc Ủy ban Châu Âu.
JICA	Dự án phát triển hạ tầng của Nhật bản
SIDA	Tổ chức môi trường Thụy Điển.



Các nghiên cứu trước đây () cho thấy: những cản trở về kinh tế, xã hội, thể chế và luật pháp có ảnh hưởng đến quyền sở hữu và kiểm soát tài nguyên của cả phụ nữ và nam giới. Trên toàn cầu, 70% người nghèo sống phụ thuộc vào đất, nước và rừng.

CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU CHUNG

1.1. BỐI CẢNH

Các nghiên cứu trước đây¹ cho thấy: những cản trở về kinh tế, xã hội, thể chế và luật pháp có ảnh hưởng đến quyền sở hữu và kiểm soát tài nguyên của cả phụ nữ và nam giới. Trên toàn cầu, 70% người nghèo sống phụ thuộc vào đất, nước và rừng. Nhưng hầu hết người nghèo đều thiếu quyền tiếp cận và kiểm soát các tài nguyên này.

Việt Nam cũng như một số nước đang phát triển khác, định kiến về vai trò và vị thế xã hội của người phụ nữ đã hạn chế phần nào sự tiếp cận độc lập và an toàn tới tài nguyên đất. Phụ nữ và nam giới đều có quyền và có khả năng thực hiện, quản lý tài nguyên bền vững nhưng họ nhận thức về sử dụng quyền khác nhau tùy theo điều kiện tiếp cận nguồn đất đai.. Người phụ nữ thường phải chịu rất nhiều thiệt thòi nếu họ ly dị hoặc góa bụa. Ngay cả khi có luật pháp đảm bảo quyền tiếp cận đất đai của phụ nữ và nam giới bình đẳng như nhau, phụ nữ vẫn không nhận thức được quyền lợi của họ. Thêm vào đó, phong tục tập quán ở một số nơi đã bỏ qua quyền sở hữu thực tế được pháp luật công nhận này.

Trong gần một thập kỷ qua, Việt Nam được coi là một mô hình phát triển khá hiệu quả, giúp hàng triệu người thoát khỏi nghèo đói. Chính phủ Việt Nam đã có nhiều chính sách

tạo điều kiện để người dân thoát nghèo. Nhiều chính sách về giới của Chính phủ cũng tạo cơ hội cho phụ nữ tham gia ngày càng nhiều hơn vào quá trình phát triển.

Theo đánh giá của UNDP năm 2006, chỉ số phát triển liên quan đến giới GDI² của Việt Nam đứng thứ 80/136, cao hơn nhiều quốc gia có cùng trình độ phát triển kinh tế. Trong chính sách bình đẳng giới, đặc biệt là Luật Bình đẳng giới được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2006 cũng đã có những chính sách tạo cơ hội để phụ nữ có thể tiếp cận với các nguồn lực để giảm nghèo

Nhà nước Việt Nam đã có một hệ thống văn bản pháp luật khá đầy đủ điều chỉnh về bình đẳng giới trên các lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình. Tuy nhiên, trên thực tế, tình trạng bất bình đẳng giới vẫn tồn tại và giữa quy định của pháp luật với việc thực thi vẫn là một khoảng cách khá xa. Trong bối cảnh xã hội hiện đại, chúng ta cũng đang phải đối mặt với những thách thức mới trong thực hiện bình đẳng giới³.

1 Vũ Diệu Hương- Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội

2 Chỉ số phát triển liên quan đến giới (GDI - Gender development index) là thước đo sự chênh lệch về các thành tựu đạt được giữa 2 giới nam và nữ. Cũng như chỉ số phát triển con người HDI, GDI nhận giá trị trong khoảng 0 đến 1. Khi chỉ số GDI tính cho bất kỳ quốc gia nào càng tiến đến giá trị 1, thì mức độ chênh lệch giữa hai giới càng lớn và ngược lại.

3 Báo cáo phát triển UNDP, 2006

Mục đích giảm tỉ lệ đói nghèo trong những năm sắp tới vẫn ẩn chứa nhiều thách thức, khoảng cách giữa giàu và nghèo ngày càng gia tăng và điều này có sự liên quan đến việc phân bổ, tiếp cận đất đai và nguồn lực, đặc biệt là với đối tượng phụ nữ.

Trong gia đình việc không thực sự được làm chủ nguồn đất đai, tư liệu, công cụ sản xuất, người phụ nữ luôn ở vào vị thế phụ thuộc, vai trò giới không được phát huy, vì thế đói nghèo, chậm phát triển luôn là ẩn họa đối với người phụ nữ và con cái họ.

Điều quan trọng là đất nước ta cũng đang phải đối mặt với sự phân bổ không đồng đều, khó khăn tiếp cận với đất đai, tài nguyên và việc sử dụng như thế nào cho hợp lý để mọi khu vực miền núi cũng như miền xuôi, phụ nữ cũng như nam giới đều có thể phát huy tiềm năng của mình vào việc giảm đói nghèo, nâng cao chất lượng cuộc sống.

Để tạo điều kiện cho nam giới và phụ nữ có cơ hội tiếp cận với đất đai bình đẳng, Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội khoá X, kỳ họp thứ 10; Luật của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 13/2003/QH 11 về đất đai, trong đó **Điều 48, mục 5** quy định về GCN QSDĐ QSDĐ được ghi như sau:

“Trường hợp quyền sử dụng đất là tài sản chung của vợ và chồng thì GCN QSDĐ QSDĐ phải ghi cả họ, tên vợ và họ, tên chồng.”⁴

Ngày 29/10/2004 Chính phủ ban hành Nghị định 181/2004/NĐ CP, trong đó Điều 43 về ghi tên người sử dụng đất trên GCN QSDĐ QSDĐ được hướng dẫn: *“Trường hợp hộ gia đình sử dụng đất nông nghiệp được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất hoặc*

*quyền sử dụng đất là tài sản chung của cả vợ và chồng thì ghi cả họ, tên vợ và họ tên chồng; trường hợp hộ gia đình để nghị chỉ ghi họ, tên vợ hoặc họ tên chồng thì phải có văn bản thoả thuận của vợ và chồng có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn”*⁵

Gần 5 năm sau ngày Luật đất đai và các văn bản hướng dẫn Luật đất đai 2003 ra đời, những điều khoản liên quan đến quyền tiếp cận đất của phụ nữ như trên đã được thi hành đến đâu, đặc biệt là ở các địa phương vùng núi vùng sâu vùng xa chính sách này đã được áp dụng như thế nào và đã mang lại lợi ích gì cho phụ nữ, đó còn là những câu hỏi đang chờ lời giải đáp. Vì vậy cuộc nghiên cứu khảo sát về quyền tiếp cận đất đai của phụ nữ là cần thiết để có bức tranh chung về quyền phụ nữ với tiếp cận đất đai, từ đó kiếm tìm những giải pháp thúc đẩy sản xuất, góp phần xóa đói giảm nghèo, tăng cường bình đẳng giới .

1.2 - MỤC ĐÍCH VÀ MỤC TIÊU KHẢO SÁT

1.2.1- Mục đích

Cuộc khảo sát được thực hiện nhằm mục đích tìm hiểu thực trạng tình hình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cả hai vợ chồng (GCN QSDĐ QSDĐ 2 tên) tại các khu vực miền núi phía Bắc, Trung - Tây Nguyên và đồng bằng sông Cửu Long, qua đó đề xuất những giải pháp hữu hiệu cho tiến trình thúc đẩy quyền bình đẳng của phụ nữ trong tiếp cận đất.

1.2.2 - Các mục tiêu cụ thể

- Tìm hiểu thực trạng, nguyên nhân và cơ hội/thách thức, thuận lợi/khó khăn của quá trình thực hiện cấp GCN QSDĐ QSDĐ 2 tên

4 Trích Nghị định 181/2004/NĐ CP hướng dẫn thi hành Luật đất đai (sửa đổi) năm 2003

5 Trích Luật đất đai (sửa đổi) năm 2003



- Tìm hiểu nhận thức của cộng đồng, đặc biệt là của phụ nữ về vấn đề GCN QSDĐ QSDĐ 2 tên
- Phân tích những ảnh hưởng/tác động của GCN QSDĐ QSDĐ 2 tên đối với đời sống cộng đồng, đặc biệt là đối với người phụ nữ.
- Xác định những giải pháp bền vững nhằm thúc đẩy việc cấp và sử dụng GCN QSDĐ QSDĐ 2 tên, qua đó đảm bảo quyền bình đẳng thực sự của người phụ nữ trong tiếp cận đất

1.3 - PHẠM VI KHẢO SÁT

1.3.1 - Đối tượng và khách thể khảo sát.

1.3.1.1. Đối tượng khảo sát

Quyền sử dụng đất của phụ nữ tại các vùng dự án phát triển của AAV

Với cuộc khảo sát này các nhóm khảo sát tập trung chủ yếu vào:

- Thực trạng cấp GCN QSDĐ (bao gồm cả GCN QSDĐ 2 tên); Nguyên nhân của việc chưa cấp GCN QSDĐ 2 tên tại địa phương
- Tác động/ ảnh hưởng của GCN QSDĐ 1 tên và 2 tên (giả định) với đời sống của các hộ gia đình và của phụ nữ
- Quyền bình đẳng của phụ nữ trong tiếp cận đất (chủ yếu là đất ở và đất sản xuất) được đề cập trong vấn đề GCN QSDĐ 2 tên
- Nhận thức của cộng đồng/phụ nữ trong việc cấp GCN QSDĐ 2 tên

Các thông tin, tài liệu sẽ tập trung vào mốc thời gian kể từ thời điểm quy định về việc thực hiện GCN QSDĐ 2 tên có hiệu lực.

1.3.1.2. Khách thể khảo sát

- Chính quyền cấp huyện: các thành viên của ban quản lý đất, tư pháp và đại diện UBND huyện; cán bộ chịu trách nhiệm việc giao đất
- Cấp xã : cán bộ chịu trách nhiệm việc giao đất + đại diện UBND.
- Lãnh đạo cộng đồng (Trưởng thôn, bản, xóm)
- Các hộ gia đình (chiếm trên 95% là nông dân, bao gồm cả nam và nữ)
- Cơ cấu giới tính và độ tuổi của đối tượng khảo sát
- Cơ cấu giới tính và độ tuổi của đối tượng khảo sát
- Tình trạng hôn nhân của đối tượng nghiên cứu

1.3.2. Địa bàn khảo sát

Khảo sát này được thực hiện tại 6 tỉnh nơi ActionAid Việt Nam đang triển khai các chương trình phát triển dài hạn. Tại mỗi tỉnh thực hiện khảo sát tại 2 xã thuộc 1 huyện, cụ thể như sau: Khu vực miền núi phía Bắc là 2 xã Tu Lý, Hào Lý của huyện Đà Bắc (Hoà Bình) và 2 xã Bình Lự, Bản Bo của huyện Tam Đường (Lai Châu); khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên là 2 xã Phước Hải, An Hải của huyện Ninh Phước (Ninh Thuận) và 2 xã Kon Chiêng, Đăk Trôi của huyện MangYang (Gia Lai); khu vực đồng bằng sông Cửu Long là 2 xã Hiệp Mỹ Đông, Mỹ Hòa của huyện Cầu Ngang (Trà Vinh) và 2 xã Tân Quới Trung, Trung Chánh của huyện Vũng Liêm (Vĩnh Long).Việc lựa chọn các địa bàn này thực hiện dựa vào 3 tiêu chí sau:

- Sự khác biệt về mức độ hoàn thành cấp giấy chứng nhận đối với các loại đất chính (Theo báo cáo tình hình cấp giấy chứng nhận sử dụng đất số 93/BC-CP ngày 19/10/2007 của Chính phủ).

- Đảm bảo tính đa dạng về địa bàn
- Định hướng chiến lược can thiệp của AAV thời gian tới

1.3.3 - Thời gian tiến hành khảo sát

- Tại Ninh Thuận và Gia Lai: Cuộc khảo sát được tiến hành từ 25/7 đến 4/8/2008
- Tại Hoà Bình và Lai Châu: Cuộc khảo sát được tiến hành từ 15/7 đến 25/7/2008
- Tại Trà Vinh và Vĩnh Long: Cuộc khảo sát được tiến hành từ 15/7 đến 25/7/2008

1.4. PHƯƠNG PHÁP KHẢO SÁT

Cuộc khảo sát sử dụng cách tiếp cận định tính, phương pháp định lượng và phương pháp nghiên cứu tài liệu thứ cấp. Đây là những phương pháp cơ bản, phù hợp để thu thập, xử lý thông tin, mang lại kết quả đánh giá khách quan, đầy đủ.

1.4.1. Phương pháp nghiên cứu tài liệu thứ cấp

Trước và trong quá trình khảo sát, những người tham gia khảo sát đã tiến hành thu thập, phân tích các tài liệu liên quan đến Luật đất đai năm 2003 để có được các thông tin định hướng và so sánh đối chiếu với tình hình khảo sát thực địa. Nhóm đã thu thập các văn bản chính sách pháp luật liên quan đến quyền sử dụng 2 tên (Luật đất đai, NĐ 181, NĐ 84, Thông tư 08 và các văn bản khác của Chính phủ; của Bộ Tài nguyên Môi trường và một số thông tin, văn bản khác tại các địa phương thuộc địa bàn nghiên cứu). Các tài liệu về tình hình kinh tế xã hội và một số tài liệu, báo cáo về tình hình cấp GCN QSDĐ QSDĐ ở các địa bàn nghiên cứu, đặc biệt là việc cấp giấy chứng nhận sử dụng 2 tên. Báo cáo về tình hình cấp GCN QSDĐ QSDĐ của Việt Nam và một số tỉnh.

1.4.2 - Phương pháp nghiên cứu định tính

Với phương pháp này, các nhóm nghiên cứu đã sử dụng phối hợp các công cụ sau:

1.4.2.1. Phỏng vấn sâu

- Nhóm 1: 20 phỏng vấn sâu (PVS) ở Hoà Bình (Đà Bắc: 4 PVS ở 2 xã; 16 PVS với các hộ gia đình) và 19 PVS ở Lai Châu: (Tam Đường: 4 PVS ở 2 xã; 15 PVS với hộ dân)
- Nhóm 2: 14 PVS ở Ninh Thuận và 14 PVS ở Gia Lai (Ninh Phước: 4 PVS tại 2 xã, 10 PVS đối với người dân ở mỗi thôn; Yang Mang, số lượng cũng như vậy)
- Nhóm 3: 14 PVS tại Trà Vinh và 14 PVS tại Vĩnh Long (Cầu Ngang: 4PVS đối với cán bộ 2 xã, 10 PVS đối với người dân mỗi xã; Vũng Liêm, số lượng cũng như vậy)

Chọn mẫu:

- Cán bộ Ban địa chính của xã:
- Cán bộ Hội phụ nữ của xã:
- Người dân:
 - Nữ, không đứng tên trên GCN QSDĐ (đang sống chung với chồng, đã ly dị hoặc chồng chết, không có chồng nhưng có con, chưa kết hôn...)
 - Nữ, có tên trên GCN QSDĐ (đang sống chung với chồng, đã ly dị hoặc chồng chết, không có chồng nhưng có con, chưa kết hôn...)
 - Nam, có tên trên GCN QSDĐ

1.4.2.2 - Thảo luận nhóm

- Trong buổi thảo luận nhóm (TLN), ngoài máy ghi âm còn có hai công cụ hỗ trợ sau:
 - Mẫu quan sát chuẩn để đánh giá những yếu tố (khách quan, chủ quan) ảnh hưởng đến buổi thu thập thông tin

- Sơ đồ thảo luận nhóm để quan sát và phân loại ý kiến
- Cơ cấu tiến hành:
 - Nhóm 1: 14 TLN tại Hoà Bình và Lai châu (2 TLN tại 2 huyện , 4 TLN tại 4 xã và 8 TLN với người dân 4 xã)
 - Nhóm 2: 14 TLN tại Ninh Thuận và Gia Lai (2 TLN ở 2 huyện, 4 TLN tại 4 xã và 8 TLN với nhóm nông dân các thôn thuộc địa bàn khảo sát)
 - Nhóm 3: 14 TLN tại Trà Vinh và Vĩnh Long (2 TLN tại 2 huyện, 4 TLN tại 4 xã và 8 TLN với người dân 4 xã)
- Nhóm người dân nữ (đang sống chung với chồng, đã ly dị hoặc chồng chết, không có chồng nhưng có con, chưa kết hôn...)
- Nhóm người dân nam + nữ, có tên và không tên trên GCN QSDĐ

1.4.2.3. Phân tích biểu đồ (SWOT)

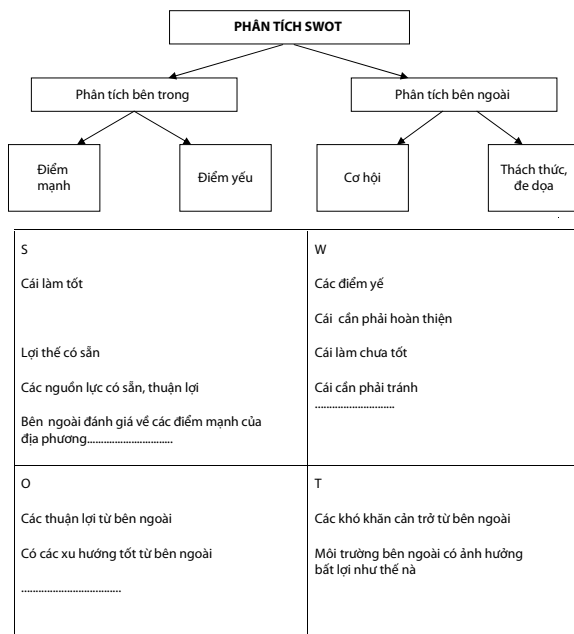
Phân tích SWOT là một công cụ hữu hiệu được Nhóm sử dụng thúc đẩy cộng đồng trong tất cả các thảo luận nhóm của quá trình khảo sát nhằm phân tích được những điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức của việc cấp số 1 tên và 2 tên, từ đó làm căn cứ cho cộng đồng trong việc tìm ra các giải pháp bền vững cho việc cấp số 1 tên.

Chọn mẫu: Mỗi thảo luận nhóm có khoảng 6-12 người

- Nhóm cán bộ huyện (đại diện của UBND, HĐND, địa chính, đoàn thể...)
- Nhóm cán bộ xã (đại diện của UBND, HĐND, địa chính, đoàn thể...)
- Nhóm người dân:

1.4.2.4 - Nghiên cứu trường hợp điển hình

Trong thảo luận nhóm và phỏng vấn sâu, khi phát hiện ra những trường hợp điển hình về cấp GCN QSDĐ 1 tên, 2 tên; tác động, ảnh hưởng của GCN QSDĐ 1 tên, 2 tên; các thành viên của các Nhóm tiến hành khai thác thông tin sâu hơn để ghi lại các câu chuyện điển hình.



1.4.3. Phương pháp nghiên cứu định lượng

Các nhóm chủ yếu sử dụng công cụ bảng hỏi và các dữ liệu được xử lý bằng phần mềm SPSS.

Cơ cấu chọn mẫu: Tại mỗi huyện chọn 2 xã có đủ cả trường hợp đã kết hôn và chưa kết hôn, có tên và chưa có tên trên GCN QSDĐ. Dự kiến mỗi xã chọn 50% số hộ đã được cấp GCN QSDĐ 2 tên và 50% số hộ chưa cấp GCN QSDĐ 2 tên nhưng trên thực tế do các xã trên hầu hết đều chưa được cấp GCN QSDĐ 2 tên nên các mẫu phỏng vấn (80 mẫu/1 xã) vẫn chủ yếu là hộ gia đình chưa cấp GCN QSDĐ 2 tên.

Tổng cộng số lượng bảng hỏi được xử lý như sau:

- Huyện Đà Bắc (Hoà Bình): 160 bảng hỏi
- Huyện Tam Đường (Lai Châu): 200 bảng hỏi,
- Huyện Ninh Phước (Ninh Thuận): 160 bảng hỏi
- Huyện Yang Mang (Gia Lai): 160 bảng hỏi
- Huyện Vũng Liêm (Vĩnh Long): 160 bảng hỏi
- Huyện Cầu Ngang (Trà Vinh): 145 bảng hỏi

1.5 - TỔNG QUAN VỀ ĐỊA BÀN KHẢO SÁT

1.5.1 - Khu vực miền núi phía Bắc

* Hòa Bình

Đà Bắc là huyện vùng cao của tỉnh Hoà Bình. Diện tích đất tự nhiên 82.016 ha, chiếm 17,59% diện tích đất toàn tỉnh, trong đó đất

nông nghiệp chỉ chiếm 3,490,55 ha (chiếm 4,25 %) quỹ đất trên toàn huyện (Theo số liệu năm 2000) (). Phần lớn đất đai đã được cấp sổ đỏ cho người sử dụng đất (khoảng 85% – 90%) nhưng hầu hết đều cấp cho chủ hộ (số 1 tên).

Dân số trong độ tuổi lao động năm 2000 của huyện là 27360 lao động = 55,8% dân số toàn huyện. Tỷ lệ thất nghiệp thấp = 1,4% nhưng thời gian lao động còn ít và năng suất , hiệu quả chưa cao, chủ yếu ở khu vực Nông nghiệp (88,7%) công nghiệp chỉ chiếm 1,5%, dịch vụ 9,8%. GDP bình quân chỉ đạt 1,9 triệu đồng/ người (năm 2000); lương thực bình quân đạt 244 kg/ người/năm⁶.

Xã Tu Lý là một xã vùng thấp của Huyện Đà Bắc. Xã có 13 xóm, với 1281 hộ, 5580 nhân khẩu. Tổng diện tích đất tự nhiên: 4514ha, trong đó đất nông nghiệp chiếm 591ha, đất sản xuất lúa nước 2 vụ 397 ha, còn lại đất màu. Sản xuất chủ yếu là tự cung, tự cấp, độc canh, nguồn thu nhập chính là từ sản xuất nông lâm, nghiệp. Thiên tai hạn hán, lũ quét hàng năm thường xuyên xảy ra, đất bạc màu, xói mòn rửa trôi, do vậy năng suất, sản lượng lúa, ngô, hàng năm mới chỉ đạt ở mức 40 – 50 tạ /ha; số hộ nghèo còn nhiều⁷.

Xã Hào Lý là một xã bán sơn địa của Huyện Đà Bắc. Xã có 9 xóm, 406 hộ, 1685 nhân khẩu, số dân trong độ tuổi lao động là gần 1000 người, nữ chiếm 51 % .Tổng diện tích đất tự nhiên: 1934 ha, trong đó đất nông nghiệp chiếm 185 ha, đất vườn tạp + thổ cư 85 ha; ao hồ đầm 3,2 ha; đất công 5 ha, còn lại đất màu và đất lâm nghiệp. Xã hầu như không có đất trồng lúa nước.

6 Theo Quy hoạch tổng thể phát triển KTXH huyện Đà Bắc thời kỳ 2001 -2010

7 Báo cáo tình hình KTXH xã Tu Lý năm 2007



Xã có 4 dân tộc sinh sống là : Kinh, Thái Tày, Dao. Hộ nghèo còn khoảng 91 hộ. Thu nhập bình quân đầu người khoảng 5,100,000 đồng/người/năm.

* Lai Châu

Huyện Tam Đường nằm ở phía Đông Bắc của tỉnh Lai Châu, tổng diện tích: 686556 ha. Tổng dân số của huyện là : 42.901 người., gồm 16 dân tộc, tỷ lệ dân tộc thiểu số chiếm 83,73% trong toàn huyện. Văn hóa lạc hậu và kinh tế kém phát triển, tỷ lệ mù chữ vẫn còn cao tình trạng bất bình đẳng giới, bạo lực gia đình và nạn tảo hôn diễn ra khá phổ biến⁸.

Phần lớn cư dân trong huyện sống bằng nghề nông nghiệp (chiếm 85%); tiêu chí ranh giới nghèo của huyện < 200.000 VND/tháng (Khoảng 12 USD). Mức chi tiêu tiêu dùng trung bình hàng năm trong huyện: 4.824.000VND/người;

Bình Lư là 1 xã mới chia tách. Sau khi chia tách, Bình Lư còn lại 4.453 ha đất trong đó, đất sản xuất nông nghiệp là 800 ha, hiện xã có 15 bản nằm ở vùng thấp.

Dân số toàn xã có 953 hộ với 4,442 khẩu gồm 4 dân tộc anh em sinh sống là: Kinh, Thái, Lự, Dáy. Nhìn chung trình độ dân trí thấp nên việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm, phát triển không đồng đều giữa các vùng nông thôn, tỷ lệ hộ nghèo còn cao⁹.

Bản Bo là 1 trong những xã nghèo nhất của huyện Tam Đường. Dân số toàn xã có 3854 người với 799 hộ. Xã có 7 dân tộc anh em sinh sống gồm: Kinh, Thái, Lào, Dao, Mông, Kháng, Dáy.

Diện tích đất toàn xã có 7652 ha, thu nhập bình quân đầu người chỉ đạt 2,000,000 VND/

8 Thông tin do PO AAV tại Tam Đường cung cấp

9 Báo cáo 2007 của UBND xã Bình Lư và Bản Bo, TĐ, LC

năm (tương đương với khoảng 110 USD). Dân cư sống bằng sản xuất nông nghiệp + lâm nghiệp. Xã có nhiều phụ nữ không biết tiếng Kinh. Tỷ lệ tái mù chữ khá cao.

Nhìn chung, các xã thuộc 2 huyện ở hai tỉnh được khảo sát là những xã có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống và thuộc vùng khó khăn của tỉnh. Vì vậy, người dân, đặc biệt là phụ nữ, phụ nữ dân tộc thiểu số gặp khó khăn trong việc tiếp cận các nguồn lực: đất đai, vốn, kỹ thuật,...Nhận thức của cộng đồng về các vấn đề kinh tế, xã hội còn hạn chế sẽ là những trở ngại cho việc tuyên truyền xã hội.

1.5.2 – Khu vực Trung – Tây Nguyên

* Ninh Thuận

Huyện Ninh Phước nằm ở phía nam tỉnh Ninh Thuận. Diện tích đất tự nhiên có 90.687 ha trong đó đất sản xuất nông nghiệp 24.960 ha chiếm 27,52%, đất lâm nghiệp 33.259ha, đất chưa sử dụng 24.821ha chiếm 27,37 % Đất chuyên dùng 3.348,58 ha chiếm 3,69%. Đất ở 1.071,87 ha chiếm 1,86%. Dân số 183,089 người, mật độ dân số 201,89 người/km2. Bình quân đất nông nghiệp 1363m2/người (TK huyện 2006). Bình quân một hộ 2-3 thửa, không thực hiện dồn điền đổi thửa. Cơ cấu dân tộc người Kinh 66,8% Người Chăm 32%, Người Hoa 1% và số ít Rắc Lây.

Theo báo cáo của tài nguyên môi trường huyện đến nay diện tích đất cấp sổ đỏ cho hộ dân đất canh tác CNQSD đất 65,72%, số hộ được cấp sổ đạt 90% đất ở cấp sổ đỏ 29,22%, số hộ được cấp GCN QSDĐ 2 tên 30 %.

Xã phước Hải có diện tích đất tự nhiên 3.341 ha đất nông nghiệp 1.411 ha, đất lâm nghiệp 798 ha, đất chưa sử dụng 700 ha. Dân số 12.478 người mật độ 373,59/ km2, bình quân đất nông nghiệp 1.130,8m2/ người. Xã có 4 thôn số hộ là 3282 hộ , (năm 2006: 387 hộ nghèo/ 2141 hộ, tỷ lệ nghèo

18,07%. Thu nhập người dân chủ yếu từ nông nghiệp, địa phương thường bị lũ lụt làm cho đời sống nhân dân gặp khó khăn.

Xã An Hải có diện tích tự nhiên 2.091,89 ha, đất nông nghiệp 1.287 ha, hộ gia đình 2.515 hộ, có 521 hộ nghèo tỷ lệ 20,71%, xã có 7 thôn, dân số 13.245 người, bình quân đất nông nghiệp 971,7 m²/người. Xã An Hải là xã thuộc vùng ven biển, bãi ngang, ở cuối kênh nên hay bị ngập lụt đời sống nông dân chủ yếu dựa vào trồng lúa và trồng nho. Bình quân ruộng đất thấp hơn Phước Hải nhiều người dân có lao động thuê mướn đất để phát triển sản xuất. Một số hộ tập trung vào phát triển chăn nuôi bò.

* Gia Lai

Mang Yang là một huyện mới được thành lập của tỉnh Gia lai Diện tích đất tự nhiên là 112.676,57ha, đất nông nghiệp 18.061,12ha, đất lâm nghiệp 76.186,5 ha, còn lại 9.826,79 ha chưa sử dụng. Dân số 49.677 người, Bình quân đất nông nghiệp 3.635,7m²/người. Cơ cấu dân số người kinh 19.705 người tỷ lệ 39,66%, Người Banar 29.442 người tỷ lệ 56,29% còn lại dân tộc khác. Mật độ dân số 44,13 người/km², Hộ nghèo 2897 hộ chiếm 28,24% giảm 7,81% so năm 2006 (BC 2007). Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 1,82%(TK 2007).. Canh tác dựa vào tự nhiên, cây bắp, mì là loại hình canh tác chính của người dân chiếm 72 %, lúa nước chiếm 24% thu nhập.

Xã Kon Chiêng nằm cách trung tâm huyện 47 km với diện tích tự nhiên là 19.941,36 ha. Trong đó diện tích đất nông nghiệp 1.720,38 ha, đất lâm nghiệp là 17.252,3 ha., đất chưa sử dụng 519,85 ha. Toàn xã có 696 hộ với 3.784 nhân khẩu, bình quân đất nông nghiệp 4.546,5m²/đầu người. Người Bana 3.649 khẩu chiếm 96, 43% còn lại người kinh có 43 hộ với 124 nhân khẩu và 11 người dân tộc khác. Hộ nghèo 73,2% Tỷ lệ hộ khá chỉ chiếm 2,8%. Kinh tế cây ngô và lúa 40%, cây

mì 60% cây mì năng suất 11 tấn/ha. Chăn nuôi trâu bò chủ yếu vẫn là chăn thả tự do.

Tỷ lệ mù chữ ở người lớn là 81 %. Tỷ lệ học sinh học lớp 10, 11 là 2,6%.

Đăk Trôi là một trong 5 xã đặc biệt khó khăn của huyện Mang Yang, cách trung tâm huyện 45 km về phía Nam. Diện tích tự nhiên là 7.443,92 ha, đất nông nghiệp 1,109,1ha, đất lâm nghiệp với 5,196,3 ha. Đất chưa sử dụng 913,89 ha. Toàn xã có 365 hộ, với 2.054 khẩu, bình quân đất nông nghiệp 5.399,7m²/đầu người (TK xã) người Ba Na 2.002 người chiếm 97,46%, phân bố 8 thôn. Tỷ lệ nghèo 56,1%, hộ khá chỉ chiếm 5,15%. Canh tác cây lúa, bắp, cây mì chiếm 65 %. Chăn nuôi trâu bò thả rông,

Tỷ lệ mù chữ ở người lớn là 71%. .Cũng như Kon Chiêng, dân tộc Bana ở đây có luật tục theo “Mẫu hệ” quyền thừa kế tài sản đất đai cho con gái, do đó người phụ nữ có sẵn quyền về thừa kế đất đai trong gia đình

Căn cứ các con số thống kê có thể thấy bình quân đất nông nghiệp Huyện Mang Yang, Gia Lai gấp 2,66 lần huyện Ninh Phước, các xã Kôn Chiêng, Đăk Trôi gấp 4-5 lần xã Phước Hải, An Hải của Ninh Phước, nhưng tỷ lệ nghèo ở Gia Lai cao hơn 56-73 % so với 18-20,7% ở Ninh Phước, do đồng bào dân tộc sản xuất chủ yếu cây mì, trồng trọt không bón phân hoàn toàn phụ thuộc vào tự nhiên.

1.5.3 – Khu vực đồng bằng sông Cửu Long

Trà Vinh và Vĩnh Long là hai tỉnh thuộc khu vực đồng bằng sông Cửu Long, kinh tế chủ yếu dựa trên sản xuất nông nghiệp, tập trung nhiều đồng bào dân tộc thiểu số (khoảng 30 dân tộc). Tuy nhiên đa phần vẫn là dân tộc Kinh, Hoa và Khmer. Hai tôn giáo chính trong vùng là Phật giáo và Thiên chúa giáo.

Phần lớn quỹ đất trong vùng được dùng cho việc trồng lúa và cây trồng lâu năm. Công tác quản lý đất đai – tài nguyên môi trường đạt kết quả tốt. Năng suất bình quân lúa đã đạt 4,2 tấn/ha, có nơi đặc biệt còn đạt 4,5 tấn/ha. Người dân được tạo nhiều công ăn việc làm mới, giảm số hộ nghèo xuống dưới 10%.

Huyện Cầu Ngang có tổng diện tích đất tự nhiên là 31.885,97ha, chiếm 14,39% diện tích toàn tỉnh (221.515 ha); phần lớn đất đai của huyện là đất nông nghiệp, với 27.569,55ha chiếm 86,463% diện tích tự nhiên, đất phi nông nghiệp có 4.303,63ha, chiếm 13,5% diện tích, hiện còn 11,79ha đất chưa sử dụng, chiếm 0,03% diện tích đất của huyện. Đất ở đây gồm 3 nhóm chính: đất cát giống, đất phù sa và đất phèn, rất phù hợp cho việc canh tác đa cây, đa con. Nguồn nước nhiễm mặn cũng thuận lợi cho việc phát triển nuôi thủy sản, đặc biệt là nuôi tôm sú.

Theo thống kê (năm 2005) dân số toàn huyện ước khoảng 136.244 người, tỷ lệ thất nghiệp tương đối thấp, còn khoảng 3,83%; tỷ lệ lao động tại khu vực thành thị là 62,8%, nông thôn là 85,5%.

Huyện Vũng Liêm có tổng diện tích tự nhiên là 294 km². Dân số chung toàn huyện đến năm 2006 là 179.949 người với 39.657 hộ, mật độ dân số trung bình 611 người/km², trong đó lao động trong độ tuổi 130.075 người chiếm 72,28% dân số. Dân số của huyện có trên 95% sống ở khu vực nông thôn và khoảng 5% sống ở khu vực thị trấn. Ngoài kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp: trồng lúa, làm vườn, chăn nuôi,... một bộ phận dân cư sinh sống bằng nghề buôn bán, thợ thủ công... Phần lớn dân số của huyện theo đạo Phật, một số ít theo đạo Thiên Chúa, Cao Đài... .

Đến đầu năm 2008, huyện Vũng Liêm đã có 4.600 ha đất nông nghiệp đạt giá trị sản xuất trên 50 triệu đồng/ha/năm, tăng 114 ha (cho thu nhập 50 triệu đồng) so với năm

2006, trong đó 1.530 ha đất trồng cây hàng năm và 3.070 ha đất trồng cây lâu năm

Tuy nhiên do trình độ dân trí không đồng đều nên không ít người dân ở các vùng khảo sát vẫn đi làm ăn xa, họ không có điều kiện quan tâm đến những vấn đề xã hội, những chính sách mới. Đặc biệt, tư tưởng trọng nam khinh nữ ở những nơi này còn khá nặng nề. Quyền lợi và vai trò của người phụ nữ trong gia đình cũng như xã hội còn rất nhiều hạn chế.

Nhận xét chung: theo góc độ tổng quan của các nhóm nghiên cứu, mỗi vùng miền khảo sát đều có những đặc điểm tự nhiên, xã hội riêng, tuy nhiên có thể thấy nổi lên ở những địa bàn này một vấn đề đó là đời sống người dân còn nhiều thiếu thốn, dân trí thấp. Nghèo đói và bất bình đẳng giới đã và đang những thách thức lớn cần sự hỗ trợ tích cực của các ngành, các cấp cũng như toàn thể cộng đồng.

1.6 - MỘT SỐ TỪ NGỮ/ KHÁI NIỆM LIÊN QUAN TRONG BÁO CÁO KHẢO SÁT¹⁰

1.6.1. Giới

Giới là một thuật ngữ nói đến đặc điểm, vai trò, vị trí, trách nhiệm, quyền lợi mà mỗi xã hội và văn hoá cụ thể quy định cho nam và nữ, bao gồm cả việc phân công lao động và phân chia nguồn lực.

Giới là sự khác biệt của nam và nữ (về tính cách, về lối sống, việc làm...) được hình thành trong quá trình sống, chịu ảnh hưởng của nếp sống gia đình, quan niệm và các mối quan hệ kinh tế và xã hội được nam giới và phụ nữ học trong quá trình trưởng thành.

10 Các khái niệm và định nghĩa này được trích dẫn theo Tài liệu truyền thông về giới của INFOYOUTH

Các đặc điểm này có thể thay đổi và phát triển theo thời gian.

1.6.2 Phân tích Giới:

Phân tích giới là là quá trình phân tích thông tin nhằm đảm bảo rằng các lợi ích phát triển và các nguồn lực được sử dụng và phân phối một cách hiệu quả và công bằng cho cả nam giới và phụ nữ, đồng thời lường trước được và tránh được những tác động tiêu cực mà quá trình phát triển có thể có đối với phụ nữ hoặc đối với mối quan hệ giới.

1.6.3. Lồng ghép Giới:

Là quá trình đánh giá ý nghĩa của mọi hoạt động có kế hoạch, kể cả pháp luật, chính sách và chương trình, trong mọi lĩnh vực và ở tất cả các cấp đối với phụ nữ và nam giới. Đó là chiến lược để làm cho những mối quan tâm và kinh nghiệm của nam giới cũng như của phụ nữ trở thành khía cạnh không thể tách rời trong quá trình thiết kế, thực hiện, theo dõi, đánh giá các chính sách, chương trình thuộc tất cả mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế và xã hội để phụ nữ và nam giới đều được hưởng lợi như nhau và tình trạng bất bình đẳng không thể tồn tại lâu dài.

1.6.4. Bình đẳng Giới:

Bình đẳng giới là việc nam và nữ có vai trò vị trí như nhau, được tạo điều kiện và cơ hội phát huy năng lực để tham gia đóng góp và thụ hưởng như nhau ở gia đình và cộng đồng xã hội. dựa trên 4 tiêu chí:

- Cơ hội như nhau cho cả hai giới trong việc tiếp cận với nguồn lực phát triển của gia đình/xã hội
- Một thực tế không còn khoảng cách về địa vị của nam và nữ nhờ vào sự đánh giá công bằng lao động của gia đình/xã hội
- Một sự hưởng thụ như nhau về lợi ích

vật chất và tinh thần, do gia đình và xã hội tạo ra

- Sự thu hút như nhau, cả nam và nữ vào việc ra quyết định nhằm đảm bảo cho sự phát triển của bản thân và của gia đình, của cộng đồng xã hội

1.6.5. Quyền phụ nữ:

Là sự nhận biết cuộc sống của phụ nữ khác so với nam giới để qua đó tìm ra những cách thích hợp đảm bảo cho tiếng nói của phụ nữ có trọng lượng và và bình đẳng với nam giới trong các quyết định có ảnh hưởng đến cuộc sống của con người.

Quyền của phụ nữ đảm bảo cho các nhu cầu của họ được đáp ứng, những quyền lợi và cuộc sống của phụ nữ được thể hiện thích hợp trong các chính sách của cộng đồng và xã hội.

1.6.6. Tạo quyền và nâng cao quyền cho phụ nữ:

Tạo quyền có nghĩa là tạo điều kiện để mỗi cá nhân, mỗi nhóm có khả năng nâng cao năng lực tự quyết định và định đoạt các vấn đề liên quan đến cuộc sống của chính họ.

Tạo quyền cho phụ nữ không có nghĩa là hạn chế quyền của nam giới. Ở đây không đặt vấn đề san sẻ quyền lực mà là nâng cao năng lực của phụ nữ nhằm đạt đến sự kết hợp hài hoà giữa lợi ích của cả hai giới trong mỗi quyết định, mỗi hoạt động hoặc mỗi dự án và chương trình phát triển.

1.6.7. Tiếp cận dựa trên quyền

Là cách tiếp cận mang tính chiến lược nhằm thay đổi cấu trúc xã hội, mối quan hệ quyền lực tạo nên sự bất công, mà chính sự bất công đó đã dẫn đến đói nghèo và kém phát triển của xã hội.

1.6.8. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 2 tên

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCN QSDĐ) là chứng thư pháp lý do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp cho người sử dụng đất nhằm mục đích đảm bảo quyền của người sử dụng đất hợp pháp và quản lý chặt chẽ được quỹ đất¹¹.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hai tên là chứng thư pháp lý do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp cho người sử dụng đất (bao gồm cả tên vợ hoặc chồng theo khoản 3, điều 48, mục 5, Luật đất đai 2003) nhằm mục đích đảm bảo quyền của người sử dụng đất hợp pháp (bao gồm phụ nữ và nam giới) và quản lý chặt chẽ được quỹ đất.

11 Theo báo cáo 93/ BC ngày 19/10/2007 của Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam



Ở Việt Nam, "đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu". Nhà nước ban hành các chính sách pháp luật quy định việc cấp GCN QSD đất (trong đó có GCN 2 tên).

CHƯƠNG 2: KẾT QUẢ KHẢO SÁT

2.1 - CÁC VĂN BẢN CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN QUY ĐỊNH CẤP GCN QSDĐ 2 TÊN

Ở Việt Nam, “đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu”¹². Nhà nước ban hành các chính sách pháp luật quy định việc cấp GCN QSD đất (trong đó có GCN 2 tên) .

Các tài liệu thứ cấp mà nhóm khảo sát thu thập để nghiên cứu chủ yếu là Luật đất đai năm 2003 và các văn bản dưới luật như các Nghị định, thông tư, Quyết định, báo cáo liên quan đến tình hình cấp GCN QSDĐ sau mốc chính phủ ban hành Luật đất đai 2003.¹³

Trong các văn bản đó, vấn đề người phụ nữ được đứng tên trên GCN QSDĐ được ghi cụ thể trong các văn bản do Chính phủ ban hành:

• Khoản 3, Điều 48, mục 5 Luật đất đai (sửa đổi) 2003 ghi:

“Trường hợp quyền sử dụng đất là tài sản chung của vợ và chồng thì GCN QSDĐ phải ghi cả họ, tên vợ và họ, tên chồng”.

Như vậy, nếu đất đai là tài sản chung của vợ và chồng thì trong GCN QSDĐ (sổ đỏ) phải ghi tên cả vợ và chồng. Điều này khác hoàn toàn với quy định của Luật đất đai năm 1993 là đất đai ghi tên người chủ hộ của gia đình. Sau một thời gian thực hiện Luật Đất đai năm 1993, việc sổ đỏ ghi tên một người đã bộc lộ những hạn chế, nhất là việc hạn chế khả năng tiếp cận đất đai, nguồn vốn của người phụ nữ (vì chủ yếu nam giới là chủ hộ và đứng tên sổ đỏ). Luật Đất đai năm 2003 sửa đổi bổ sung Luật năm 1993 rõ nhất tại khoản 3, điều 48, mục 5 nêu trên và thừa nhận quyền hợp pháp của cả vợ và chồng đối với đất đai là tài sản chung.

• Điều 43. Nghị định 181/2004/NĐ CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ quy định về việc ghi tên người sử dụng đất trên GCN QSDĐ:

“Trường hợp hộ gia đình sử dụng đất nông nghiệp được nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất hoặc quyền sử dụng đất là tài sản chung của cả vợ và chồng thì ghi cả họ, tên vợ và họ tên chồng; trường hợp hộ gia đình đề nghị chỉ ghi họ, tên vợ hoặc họ tên chồng thì phải có văn bản thỏa thuận của vợ và chồng có chứng thực của UBND xã, phường, thị trấn”

12 Mục 1, Điều 5, Luật đất đai 2003

13 Mời xem danh mục các văn bản liên quan sau Luật đất đai 2003 trong phụ lục 1 đính kèm

• **Quyết định số 08/2006/QĐ-BTNMT, Ban hành Quy định về GCN QSDĐ ngày 21 tháng 7 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, phần tên người chủ sở hữu đất được hướng dẫn như sau:**

Trường hợp hộ gia đình được Nhà nước giao đất nông nghiệp hoặc được công nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp thì ghi “Hộ ông” (hoặc “Hộ bà”), sau đó ghi họ, tên, năm sinh và số, ngày cấp, nơi cấp giấy chứng minh nhân dân, địa chỉ nơi đăng ký thường trú của người đại diện hộ gia đình và của người vợ (hoặc chồng) người đại diện đó; nếu hộ gia đình đề nghị chỉ ghi họ, tên vợ hoặc chỉ ghi họ, tên chồng thì phải có văn bản thoả thuận của hai vợ chồng có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi hộ đó đăng ký thường trú hoặc có chứng nhận của công chứng nhà nước; nếu người đại diện hộ gia đình không có vợ (hoặc chồng) hoặc có nhưng vợ (hoặc chồng) của người đại diện hộ gia đình không có quyền sử dụng đối với diện tích đất chung của hộ gia đình thì chỉ ghi họ, tên, năm sinh và số, ngày cấp, nơi cấp giấy chứng minh nhân dân, địa chỉ nơi đăng ký thường trú của người đại diện

Trường hợp quyền sử dụng đất là tài sản chung của cả vợ và chồng thì ghi họ, tên, năm sinh và số, ngày cấp, nơi cấp giấy chứng minh nhân dân, địa chỉ nơi đăng ký thường trú của vợ và chồng; nếu người sử dụng đất đề nghị chỉ ghi họ, tên vợ hoặc chỉ ghi họ, tên chồng thì phải có văn bản thoả thuận của hai vợ chồng có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú hoặc chứng nhận của công chứng nhà nước; nếu vợ (hoặc chồng) là người không được nhận quyền sử dụng đất tại Việt Nam thì chỉ ghi họ, tên, năm sinh và số, ngày cấp, nơi cấp giấy chứng minh nhân dân, địa chỉ nơi đăng ký thường trú của cá nhân là người được nhận quyền sử dụng đất tại Việt Nam.”

Để hướng dẫn triển khai Luật đất đai năm 2003, ở cấp Trung ương, Chính phủ đã ban hành thêm 14 văn bản dưới luật bao gồm Nghị định, thông tư, chỉ thị; Bộ Tài nguyên Môi trường ban hành 9 văn bản bao gồm các quyết định, thông tư; Bộ tài chính ban hành 7 văn bản bao gồm các thông tư hướng dẫn tài chính khi thi hành Luật đất đai; Bộ xây dựng ban hành 2 thông tư và các cơ quan liên bộ ban hành 6 thông tư liên tịch hướng dẫn trình tự, thủ tục, chức năng nhiệm vụ, sửa đổi bổ sung, luân chuyển hồ sơ, công chứng, chức năng nhiệm vụ của văn phòng đăng ký QSD đất và tổ chức phát triển quỹ đất.

Ở cấp địa phương, Báo cáo về tình hình cấp GCN QSDĐ số 93/BC-CP ngày 19/10/07 của Chính phủ đã cho biết:

- 64 tỉnh thành đã ban hành bảng giá đất tại địa phương;
- 48 tỉnh thành đã ban hành quy định về hạn mức công nhận quyền sử dụng đất ở đối với trường hợp sử dụng đất có vườn ao liền kề với nhà ở trên cùng một thửa đất;
- 40 tỉnh thành đã ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể hoá các quy định về điều kiện cấp GCN QSDĐ, thời gian và trình tự, thủ tục cấp GCN QSDĐ;
- 38 tỉnh đã ban hành văn bản quy định về phí và lệ phí;

Theo báo cáo 93 của Chính phủ, đến cuối năm 2007 có 13 tỉnh cấp GCN QSDĐ đạt trên 90% diện tích cần cấp đối với các loại đất chính (đất SXNN, đất ở nông thôn và đất đô thị), 14 tỉnh đạt từ 80 -90%, 10 tỉnh đạt từ 70 – 80%; 27 tỉnh còn lại đạt dưới 70%.

Báo cáo cũng nêu rõ: Nhiều địa phương hiểu chưa đúng và chưa đầy đủ những quy định của Luật đất đai năm 2003 và các văn bản hướng dẫn thi hành, dẫn tới những vận dụng không đúng quy định khi cấp GCN QSDĐ và khi lập hồ sơ địa chính¹⁴

14 Báo cáo số 93/BC-CP ngày 19/10/2007

Theo Nghị Định số 80/2008/NĐ-CP ngày 29-7-2008 về sửa đổi bổ sung một số điều về lệ phí trước bạ (LPTB) vừa được Thủ tướng Chính phủ ký ban hành, nhà ở, đất ở của hộ nghèo; nhà ở, đất ở của người dân tộc thiểu số ở các xã, phường, thị trấn thuộc vùng khó khăn được miễn LPTB. Đây là tin vui cho người nghèo vùng dân tộc vùng khó khăn, tuy nhiên LPTB chỉ là một trong các khoản người dân phải trả (chiếm 1% trong tổng số phí làm GCN QSDĐ).

Theo nhóm nghiên cứu tại Ninh Thuận và Gia Lai, trước đó để đẩy nhanh việc cấp sổ sử dụng đất, tỉnh Ninh Thuận cũng đã có Quyết định về việc miễn các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận Số 134/2008/QĐ-UBND ngày 26/5/2008. Huyện Mang Yang Gia Lai cũng có thông báo số số 43/TB-UBND ngày 16/4/2007 về việc đẩy nhanh tiến độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn huyện theo quy định của chính phủ. Tuy nhiên, đến nay việc triển khai cấp GCN QSDĐ ở đây còn gặp một số rào cản.

Nhận xét chung: Đất đai là nguồn tài nguyên quý giá, việc cấp GCN QSDĐ có tác động rất lớn về nhiều mặt KTXH của đất nước. Đối với người sử dụng đất, GCN QSDĐ là chứng thư pháp lý xác lập và bảo hộ quyền lợi hợp pháp của người sử dụng đất như chuyển nhượng, thừa kế, thế chấp, tặng cho, cho thuê quyền sử dụng đất, bảo lãnh, góp vốn bằng quyền sử dụng đất; bảo vệ lợi ích chính đáng của người nhận chuyển nhượng, nhận, tặng, cho, thừa kế, nhận thế chấp...

Đối với phụ nữ, tiếp cận đất đai có thể giúp cho phụ nữ và gia đình họ chủ động cải thiện điều kiện mưu sinh, nâng cao chất lượng cuộc sống. Đặc biệt là với phụ nữ nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc ít người, ít có cơ hội tiếp cận các nguồn lực khác thì đất đai gần như là công cụ duy nhất để thoát nghèo.

Tuy vậy dù đã có rất nhiều văn bản dưới luật hướng dẫn thi hành Luật đất đai 2003 nhưng nhìn chung đều thiên về trình tự thủ tục hành chính và chế tài, chưa tìm thấy văn bản hướng dẫn GCN QSDĐ 2 tên có lợi cho phụ nữ như thế nào và cần phải thực thi vấn đề này tại các địa phương ra sao. Ngay trong báo cáo 93 (báo cáo mới nhất về việc cấp GCN QSDĐ của chính phủ) cũng chưa có dòng nào thống kê kết quả của việc cấp GCN QSDĐ 2 tên tại các địa phương trong cả nước.

Các nhóm nghiên cứu cũng đã tìm hiểu về các văn bản quy định quyền bình đẳng giữa nam và nữ trong việc tiếp cận các nguồn lực, trong đó có nguồn lực đất đai nhưng chưa tìm thấy văn bản nào đề cập cụ thể đến quyền tiếp cận đất của phụ nữ.

Ví dụ, Luật bình đẳng giới ban hành ngày 29/11/2006 (Số 73/2006/QH 11), trong đó điều 12 ghi về *Bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế* cũng quy định khá chung chung: "Nam nữ bình đẳng trong việc thành lập doanh nghiệp, tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản lý doanh nghiệp, bình đẳng trong việc tiếp cận thông tin, nguồn vốn, thị trường, và nguồn lao động.

Lao động nữ khu vực nông thôn được hỗ trợ tín dụng, khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư theo quy định của pháp luật"(20), chưa có điều nào ghi cụ thể về quyền tiếp cận đất của phụ nữ.

Nhóm cũng đã cố gắng liên hệ với Bộ TNMT, Hội LHPN Việt Nam nhưng chưa tìm được các tài liệu tập huấn hướng dẫn về bình đẳng giới trong vấn đề tiếp cận đất đai một cách cụ thể. Vì vậy để thúc đẩy công cuộc xoá đói giảm nghèo, tăng cường bình đẳng giới một cách hiệu quả, cần có những chế tài bổ sung trước hết về quyền tiếp cận đất đai cho phụ nữ.

2.2 - 2.2 - THỰC TRẠNG VIỆC CẤP GCN QSDĐ 2 TÊN Ở CÁC ĐỊA BÀN KHẢO SÁT VÀ CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN

2.2.1 - Thực trạng của việc cấp GCN QSDĐ 2 tên tại các địa bàn khảo sát

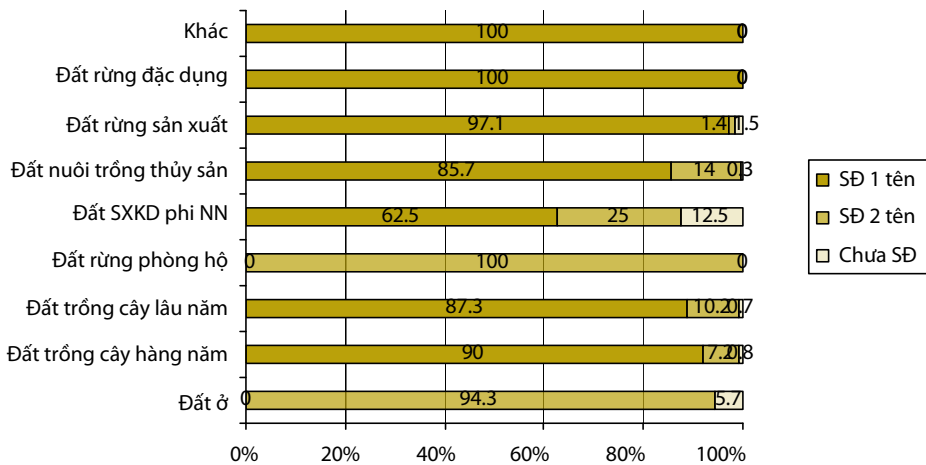
•Khu vực miền núi phía Bắc: Huyện Đà Bắc, Hòa Bình và huyện Tam Đường, Lai Châu

Kết quả thảo luận nhóm và PVS của cán bộ 2 huyện cho thấy sổ đỏ đã được cấp cho trên 90% diện tích đất. Thời gian cấp sổ: trước năm 2000 (nghĩa là trước thời điểm

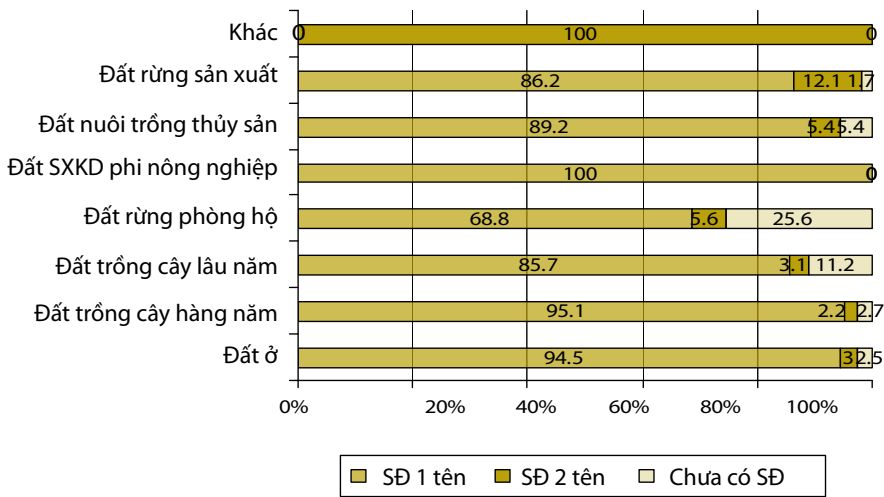
có Luật GCN QSDĐ 2 tên) và chủ yếu là đàn ông đứng tên. Ở các xã Hào Lý và Tu Lý của huyện Đà Bắc (Hòa Bình), Bản Bo và Bình Lư của huyện Tam Đường (Lai Châu), những người tham gia TLN và PVS cũng đều trả lời là gia đình họ đã được cấp GCN QSDĐ (sổ đỏ) từ trước năm 2000 (Khoảng năm 1998 – 1999). Họ chưa biết có GCN QSDĐ 2 tên và trên thực tế chưa có GCN QSDĐ 2 tên. Nhóm cán bộ xã cũng cho biết thông tin tương tự. Tuy nhiên, điều tra qua bảng hỏi lại cho kết quả khác: hầu hết các loại đất đều có một tỷ lệ nhỏ đã cấp GCN QSDĐ 2 tên (Xem biểu đồ 1 và 2).

Biểu đồ 1. Tình hình cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu với các loại đất khác nhau ở 2 xã Hào Lý, Tu Lý huyện Đà Bắc (Hòa Bình)

Tình hình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng theo các loại đất



Biểu đồ 2 Tình hình cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu với các loại đất khác nhau ở 2 xã Bình Lư và Bản Bo, Tam Đường (Lai Châu)



• Khác biệt về cách thức cấp GCN QSDĐ giữa 2 tỉnh:

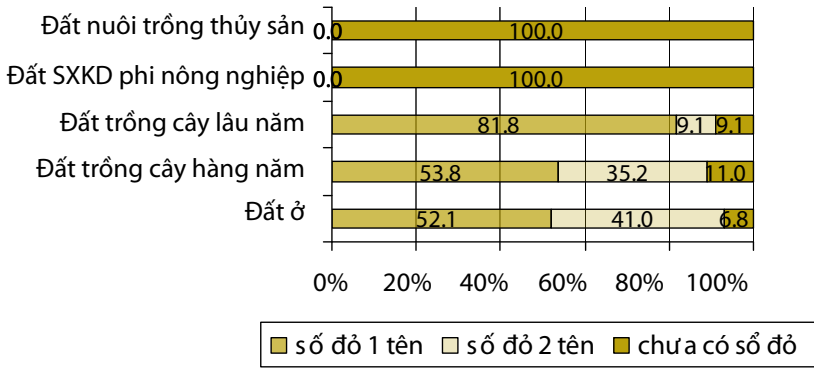
Tỉnh Hòa Bình: 3 loại sổ riêng: đất ở/ thổ cư (01 GCN QSDĐ - sổ đỏ), đất nông nghiệp (01 sổ đỏ), đất lâm nghiệp (01 sổ đỏ).

Tỉnh Lai Châu: 2 loại sổ: đất ở/thổ cư + đất nông nghiệp (01 sổ đỏ), đất lâm nghiệp (01 sổ đỏ). Xã Bình Lư chưa cấp sổ cho đất ở và đất vườn + đất nông nghiệp đối với các hộ gia đình có đất nằm dọc hai bên đường Quốc lộ, có bán kính dưới 1 km. Hiện tại, các hộ này không có sổ đỏ và gặp khó khăn trong sản xuất, nhất là trong vay vốn sản xuất.

Khu vực Trung – Tây Nguyên: Huyện Ninh Phước, Ninh Thuận và huyện Mang Yang, Gia Lai

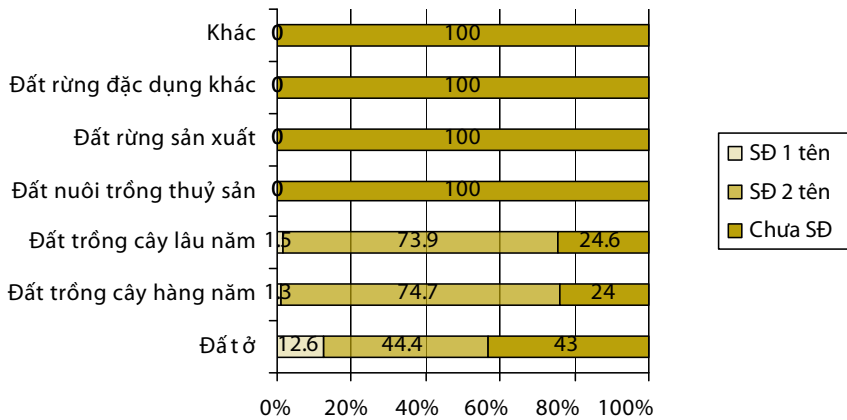
Nghiên cứu phân tích từ tài liệu thông tin thứ cấp, tại 2 huyện đất trồng cây lâu năm có tỷ lệ cấp sổ đỏ cao nhất trong các loại đất (70- 80%), đất nông nghiệp được cấp sổ chưa nhiều, mới đạt tỷ lệ trên 60% (theo diện tích báo cáo của Phòng TNMT huyện). Đất ở tỷ lệ cấp sổ đỏ còn thấp hơn (40- 50%). Sổ sổ đỏ cấp 2 tên theo Phòng TNMT chiếm tỷ lệ 60% trong số các loại sổ, tương đương 39,4% số thực. Sổ sổ này làm sau 2003 đến nay do làm mới và tách sổ. Kết quả xử lý các số liệu thực tế như sau: (xem biểu đồ 3 và 4).

Biểu đồ 3. GCN QSDĐ 2 tên đất canh tác và đất ở ở Ninh Thuận.



Biểu đồ 4. Tình hình cấp GCN QSDĐ 2 tên ở Gia Lai.

Tình hình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng theo các loại đất





Qua số liệu thấy đất nông nghiệp Huyện Ninh Phước có tỷ lệ cấp GCN QSDĐ tương đương huyện Mang Yang Gia Lai. Trong 2 xã thuộc huyện Ninh Phước thì Phước Hải có tỷ lệ cấp giấy cao hơn đạt 92,14 so với 65,79% xã An Hải. Huyện Mang Yang do mới tách năm 2000 nên việc cấp GCN QSDĐ tiến hành chậm hơn. Xã Kon Chiêng và Đăk Trôi nằm trong địa bàn huyện, tỷ lệ cấp sổ cho đất nông nghiệp thấp dưới 50 %, số hộ đăng ký cao nhưng thực tế tỉ lệ cấp sổ cũng còn thấp do phụ thuộc Chương trình 134 CP và dự án của Newzealand thực hiện. Còn lại huyện mới tổ chức khai làm GCN QSDĐ cuối năm 2007 đến nay dân toàn bộ xã Đăk Trôi và xã Kon Chiêng, kể cả số do Dự án Cao su Tiểu Điền người dân chưa được nhận sổ đỏ.

*** Khu vực Đồng bằng sông Cửu Long: huyện Cầu Ngang, Trà Vinh và Vũng Liêm, Vĩnh long:**

Tỉnh Trà Vinh, tỷ lệ cấp GCN QSDĐ đạt 50 – 70%. Riêng đối với huyện Cầu Ngang (địa

điểm khảo sát), năm 1998 đã cấp được 92% cho hộ gia đình (1 tên). Từ năm 1999 đến nay cấp thêm 3 đến 4% (tính đến giữa năm 2008) vừa cấp mới và chuyển đổi. Trong đó có khoảng 5% của 3-4% GCN QSDĐ có 2 tên cả vợ và chồng (khoảng 0,01% trên toàn huyện).

Tỉnh Vĩnh Long: Huyện Vũng Liêm, từ 1995 đến 2003 cấp 30%, từ 2003 đến nay thêm 65% là 95%. Việc cấp GCN QSDĐ 2 tên ở xã Tân Quới Trung chỉ có 01 hộ, xã Trung Chánh có 06 hộ. Các thành viên trong PVS và TLN có từ 1 mảnh đến 5 mảnh, từ 200m² đến trên 20.000m² (20 công). Trong đó, một số ít trường hợp chủ hộ là nữ thường là do cha mẹ chuyển nhượng đất cho con để thừa kế (của Trà Vinh là 15,9% và Vĩnh Long 17%). Ngoài ra là do các nguyên nhân khác như chồng chết, mua bán, độc thân.

Tình hình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng các loại đất khác nhau: đã được cấp GCN QSDĐ **mẫu đỏ 1 tên (Sổ đỏ)**, đa số là nam đứng tên (xem bảng)

Loại đất (N=159)	SĐ 1 tên		SĐ 2 tên		Chưa có SĐ	
	Tần số (%)		Tần số (%)		Tần số (%)	
	Trà Vinh	Vĩnh Long	Trà Vinh	Vĩnh Long	Trà Vinh	Vĩnh Long
Đất ở	95.1	95.2	3.1	3.2	1.8	1.6
Đất trồng cây hàng năm	91.9	98.3	3.6	1.7	4.5	0
Đất trồng cây lâu năm	71.9	95.1	12.5	3.5	15.6	1.4
Đất rừng phòng hộ	100	0	0	0	0	0
Đất làm muối	100	0	0	0	0	0
Đất nuôi trồng thủy sản	72.1	0	9.3	0	18.6	0
Đất rừng sản xuất	100	0	0	0	0	0
Đất rừng đặc dụng	100	0	0	0	0	0
Đất SXKD phi nông nghiệp	87.0	100	0	0	13.0	0

Thông kê trên cho thấy đất ở đã được cấp GCN QSDĐ ở Trà Vinh và Vĩnh Long đạt tỉ lệ cao trên 90% nhưng tỉ lệ 2 tên chỉ 3,1 - 3,2%. Đất trồng cây hàng năm đã cấp sổ trên dưới 70%, tỉ lệ GCN QSDĐ 2 tên chỉ có 3,6 - 1,7%. Đất trồng cây lâu năm ở Trà Vinh mới cấp được 22,1% nhưng tỉ lệ GCN QSDĐ 2 tên đã đạt 12,5%, ở Vĩnh Long cấp được 64,4% nhưng tỉ lệ GCN QSDĐ 2 tên chỉ có 3.5%.

Thông tin và số liệu từ các nhóm nghiên cứu cho thấy tình hình cấp GCN QSDĐ trên 6 địa bàn khảo sát có những điểm khác nhau. Một số nơi đạt tỉ lệ khá cao như: Đà Bắc (Hoà Bình), Tam Đường (Lai Châu) trên 90%, Vũng Liêm (Vĩnh Long) đạt 95%. Tuy nhiên tại Ninh Thuận, Gia Lai, tỉ lệ cấp GCN QSDĐ mới chỉ đạt 50 - 70%. Tỉ lệ GCN QSDĐ được cấp cho các loại đất (đất ở, đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp...) cũng không đồng đều. Riêng việc cấp GCN QSDĐ 2 tên ở hầu hết các địa phương còn chiếm một tỉ lệ rất thấp. Chẳng hạn Hoà Bình, Lai Châu, Trà Vinh, Vĩnh Long chỉ đạt 1 - 5%. Đối với địa bàn Ninh Thuận và Gia Lai, con số thống kê về GCN QSDĐ 2 tên cao hơn nhiều lần (Khoảng 30 - 50%) nhưng quá nửa trong đó mới là những hồ sơ đăng kí hoặc GCN QSDĐ còn đọng lại tại các văn phòng địa chính chưa đến tay người dân.

Như vậy bức tranh tổng quan trên đây đã cho thấy ở cả 6 tỉnh, việc cấp GCN QSDĐ nói chung mới chỉ phổ biến ở sổ 1 tên (theo quy định của Luật đất đai năm 1993). GCN QSDĐ 2 tên hầu như các tỉnh mới cấp được một số lượng nhỏ. Đây chính là vấn đề cần khắc phục. Muốn tạo cơ hội và điều kiện cho phụ nữ được tiếp cận với đất đai và có tên trong sổ đỏ để đảm bảo quyền và lợi ích của mình, phải có cơ chế phù hợp để chuyển từ 1 tên sang 2 tên.

2.2.2 - Những yếu tố ảnh hưởng tới tiến độ cấp GCN QSDĐ 2 tên

Nhìn chung ở cả 6 tỉnh, qua thông tin khảo sát cho thấy cơ hội, thuận lợi của quá trình

thực hiện cấp GCN QSDĐ 2 tên chưa nhiều. Điều này đồng nghĩa với 2 nguyên nhân của hiện trạng. Thứ nhất, cán bộ và người dân ở đây chưa ý thức được những thế mạnh của địa phương cũng như chưa tận dụng được sự hỗ trợ từ nhiều phía đối với việc cấp GCN QSDĐ 2 tên. Thứ hai, cũng như nhiều địa phương khác trên cả nước, việc thực hiện cấp GCN QSDĐ 2 tên đang còn phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức.

*** Chính sách, luật định về đất đai và cơ chế triển khai thực hiện**

Cơ sở pháp lí của việc xúc tiến triển khai chuyển đổi, tách, cấp GCN QSDĐ 2 tên là Luật đất đai 2003. Chủ trương sát đúng này của Đảng, nhà nước đã giúp Phụ nữ có cơ hội tiếp cận với nguồn lực phát triển kinh tế gia đình, bình đẳng giới ở gia đình và nâng cao vị thế phụ nữ trong xã hội. Với GCN QSDĐ 2 tên, phụ nữ có điều kiện để chủ động trong việc quyết định sử dụng quyền sử dụng đất để phát triển kinh tế gia đình, đảm bảo quyền lợi khi ly dị, chồng chết, gia đình bất hoà... Hiện nay ở một số địa bàn, đã có những văn bản, nghị định hướng dẫn tương đối rõ ràng cho cán bộ và người dân địa phương thực thi. Cán bộ huyện, xã sau khi được các nhóm nghiên cứu cung cấp thông tin, họ đã hiểu việc đăng ký GCN QSDĐ 2 tên và chuyển đổi tách sổ hiện nay có cơ sở pháp lý là Luật đất đai 2003. Tỉnh đã có sự chỉ đạo chặt chẽ, dứt điểm có hướng dẫn đến tận địa phương, theo nghị định 181/2004 và nghị định 84/2007, có hướng dẫn một cách cụ thể và các văn bản dưới luật của mỗi địa phương, có sự phối hợp tuyên truyền cho cán bộ các ban ngành, đoàn thể, có miễn giảm cho các đối tượng. Ngoài ra ở những địa phương này đang có chủ trương thu hồi sổ đỏ dành cho đất rừng để đổi lại nên có thể đây cũng là một công đoạn thuận tiện cho việc cấp/ đổi GCN QSDĐ 2 tên.

Sự quan tâm của các tổ chức phi chính phủ trong và ngoài nước đối với công cuộc xoá đói giảm nghèo, hướng tới công bằng, văn minh cho xã hội cũng trực tiếp hoặc gián tiếp thúc đẩy việc các cấp chính quyền và người dân tích cực hơn trong quá trình thực hiện GCN QSDĐ 2 tên. Ở những vùng dự án phát triển của AAV, các chương trình hỗ trợ xoá mù chữ cho người dân, các lớp tập huấn về bình đẳng giới, quyền phụ nữ (trong đó có quyền tiếp cận đất đai, tư liệu, công cụ sản xuất) do AAV hỗ trợ sẽ giúp cho phụ nữ hiểu hơn lợi ích của sổ hai tên và họ sẽ thúc giục người chồng/ đàn ông trong gia đình tiến hành đổi sổ 2 tên.

Hàng năm thường có những đội sinh viên tình nguyện về các xã làm việc tình nguyện mùa hè. Đây sẽ là cơ hội cho việc tuyên truyền các vấn đề liên quan đến bình đẳng giới, Luật đất đai, thậm chí cả việc thực hiện cấp, đổi GCN QSDĐ 2 tên cũng có thể huy động sự tham gia tích cực của đội ngũ này. Hiện nay một số địa bàn khảo sát đã xây dựng được những câu lạc bộ "trách nhiệm cùng chia sẻ" về bình đẳng giới, Luật hôn nhân và gia đình, buôn bán phụ nữ và trẻ em do AAV hỗ trợ; có tivi, đầu đĩa và một số phương tiện truyền thông nên tin chắc rằng việc tuyên truyền để đổi GCN QSDĐ 2 tên sẽ được tiến hành thuận lợi.

Đó là những cơ hội, thuận lợi nổi bật nhất về chủ trương, chính sách và nguồn lực giúp các địa phương trong vùng dự án phát triển của AAV đảm bảo tốt hơn việc triển khai cấp GCN QSDĐ 2 tên. Tuy nhiên theo khảo sát, đại đa số các địa phương cũng chưa biết cách khai thác các thế mạnh của mình.

Các nguồn thông tin qua khảo sát đều thống nhất chỉ ra những thách thức hiện nay đối với quá trình triển khai các văn bản chính sách, luật định về cấp GCN QSDĐ 2 tên. Ở một số địa phương, những văn bản luật và dưới luật liên quan tới quyền sử dụng đất đai chưa

được triển khai tới cấp huyện, xã. Hầu hết các hội phụ nữ chưa được phổ biến cụ thể về luật đất đai mới nên chưa có nội dung chương trình sinh hoạt về quyền của họ trong tiếp cận đất đai. Cán bộ các ban ngành, đoàn thể cũng chỉ có một số người có liên quan tới công việc như địa chính, lãnh đạo cấp ký duyệt, giải quyết các khiếu kiện, va chạm... mới nắm được vấn đề này. Còn lại các ban ngành khác như Đoàn Thanh niên, Hội Nông dân, Mặt trận Tổ Quốc... hiểu biết rất ít về sổ hai tên cùng lợi ích của nó. Nhiều cán bộ phòng địa chính huyện chưa được tập huấn, kinh phí đổi sổ còn tốn kém, một số thủ tục hành chính về đất đai còn rườm rà... Đặc biệt, các văn bản này chưa thể hiện rõ vấn đề bình đẳng giới, đảm bảo quyền cho người phụ nữ. Nhà nước chưa có những chế tài, chính sách cụ thể đối với việc cấp GCN QSDĐ 2 tên, chưa có biện pháp hiệu quả để nâng cao nhận thức của cán bộ và người dân về GCN QSDĐ 2 tên; chưa có sự phối hợp đồng bộ, chặt chẽ giữa các ban ngành với Bộ, Sở Tài nguyên & Môi trường, chính quyền địa phương và người dân để làm tốt việc này...

Bên cạnh đó, còn một thách thức đồng thời cũng là khó khăn không thể không kể đến hiện nay chính là việc làm sao để tăng cường, phát huy hơn nữa vai trò, trách nhiệm của các cấp lãnh đạo trong công tác chỉ đạo tổ chức thực hiện chính sách về quyền sử dụng đất từ Trung ương tới địa phương, đặc biệt là cấp cơ sở. Có như thế mới từng bước xoá đi khoảng cách từ chính sách đến hiện thực, phá bỏ những luật tục, tập quán mang định kiến giới, tạo lập một mặt bằng xã hội bình đẳng, văn minh. Đương nhiên để làm được điều đó, đòi hỏi phải có những giải pháp phù hợp với từng địa bàn, tộc người và nhất là trong bối cảnh trình độ nhận thức của cộng đồng về vấn đề này còn nhiều bất cập.

Công tác Công tác vận động, tuyên truyền vận động, tuyên truyền

Tập hợp ý kiến của các đối tượng tham gia cung cấp thông tin, có thể thấy: Ở các địa bàn khảo sát, nguyên nhân chính của việc chưa cấp sổ hai tên chủ yếu là do huyện chưa triển khai chủ trương này, xã không được biết và người dân đặc biệt là phụ nữ vừa không biết thông tin vừa chưa hiểu hết ý nghĩa của chính sách GCN QSDĐ 2 tên. Thậm chí ngay cả cán bộ huyện còn cho biết họ cũng chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh hướng dẫn triển khai cụ thể nên chưa biết đến GCN QSDĐ 2 tên chồng và vợ; Chưa có hướng dẫn của cấp trên để tuyên truyền đến người dân. Do vậy, việc cấp GCN QSDĐ 2 tên còn gặp rất nhiều khó khăn, thách thức từ nhiều phía.

Nghiên cứu ở các tỉnh đều có điểm chung là người dân ít biết Luật đất đai năm 2003 quy định về việc cấp GCN QSDĐ. Đất ở cũng như đất canh tác mang tên vợ và tên chồng nhiều người nói lần đầu tiên được nghe và chưa nghe thấy điều này.

“Tôi chưa bao giờ nghe nói đến GCN QSDĐ 2 tên cả, bây giờ mới nghe các chị nói lần đầu”

(Chị Đinh Thị Quyết, trưởng trạm KN-KL của huyện Đà Bắc, tỉnh Hoà Bình)

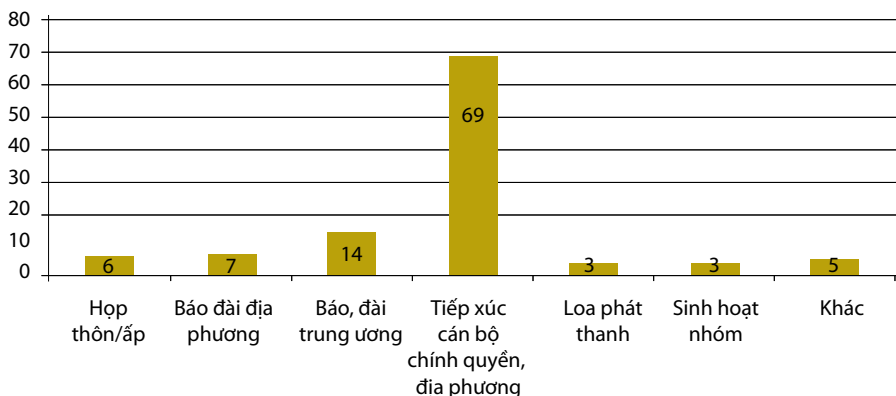
“Thực ra từ trước tới giờ nhà tôi vẫn chỉ có sổ đồ 1 tên, nhưng cũng chưa thấy rắc rối khó khăn gì khi đi vay vốn ở ngân hàng. Vì khi vay ngân hàng, dù không có tên trong sổ đồ, tôi vẫn phải ký vào văn bản vay vốn với tư cách là thừa kế”

(PVS nữ, thôn Hào Phú, Hào Lý, Đà Bắc, HB)

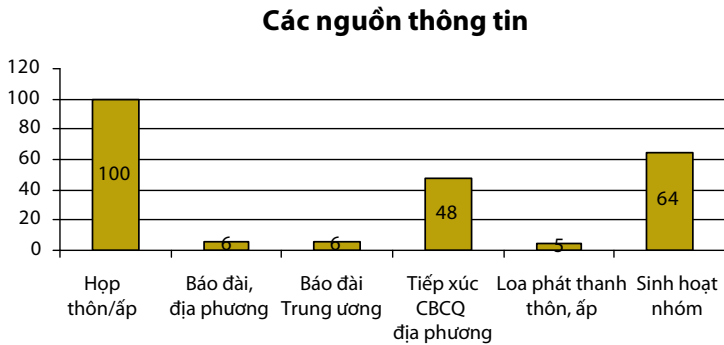
Thậm chí có chị là Hội trưởng phụ nữ, mặc dù Hội hoạt động rất tích cực, có câu lạc bộ pháp luật nhưng Luật đất đai gắn liền với cuộc sống lại bỏ sót không đề cập tới. Khảo sát định lượng cùng với thực tế nghiên cứu tại các vùng đã cho thấy phần nào lí do của tình trạng này. Nguồn thông tin về GCN QSDĐ 2 tên đến với người dân rất hạn chế. Ở Ninh Thuận chỉ có những người cần tiếp xúc với cán bộ chính quyền địa phương để làm sổ, tách sổ hoặc giải quyết các vấn đề tranh chấp về đất mới được biết phần nào. Còn lại họ chủ yếu nghe qua báo đài Trung ương, thông tin của địa phương và họp phổ biến. Nếu những kênh thông tin này không đề cập vấn đề luật đất đai hay GCN QSDĐ 2 tên thì hiển nhiên người dân chẳng hiểu biết gì. Đối với tỉnh Gia Lai, người dân tộc Bana, nhất là phụ nữ, họ còn e ngại hơn khi tiếp xúc với cán bộ. Do không thạo tiếng Kinh nên nguồn thông tin đến đồng bào các dân tộc thiểu số phải thông qua họp thôn, trao đổi nhóm. Kết quả khảo sát sự nhận

33

Biểu đồ 5. Tiếp cận nguồn thông tin về GCN QSDĐ 2 tên ở Ninh Thuận



Biểu đồ 6: Tiếp cận nguồn thông tin về GCN QSDĐ 2 tên ở Gia Lai.



biết về GCN QSDĐ cho thấy có đến 88% là thông qua hợp thôn, 64% thông qua sinh hoạt nhóm và 48% qua cán bộ địa phương Đợt làm sổ đỏ cuối năm người dân biết được cũng là từ việc phổ biến qua thôn bản. (Xem Biểu đồ 5 Ninh Thuận và Biểu đồ 6 Gia Lai).

Nhận thức của cộng đồng về vấn đề GCN QSDĐ 2 tên

Kết quả PVS và TLN cho thấy nhóm cán bộ có quan tâm đến cấp sổ đỏ cho dân nhưng chưa nhận thức đúng đắn về quyền phụ nữ trong GCN QSDĐ 2 tên. Theo họ, việc phụ nữ có tên trong sổ đỏ là việc nghiêm nhiên có luật quy định.

Đối với người dân ở các vùng khảo sát cũng vậy, họ đều có điểm giống nhau là chưa hiểu hoặc hiểu rất ít về GCN QSDĐ 2 tên và cho rằng gia đình có đại diện một người chồng là đủ. Đa phần phụ nữ chưa thấy được quyền bình đẳng và quyền lợi của mình khi có tên trong sổ đỏ. Chỉ khi sự việc gia đình không may xảy ra họ mới nhận thấy bị thiệt thòi và họ cam chịu theo tập quán phụ nữ không phải là người chủ gia đình.

“Người Phụ nữ Á Đông vẫn có quan niệm rằng của chồng công vợ nên việc mình có tên trong sổ đỏ hay không là không quan trọng.”

- Ý kiến của một chị hội trưởng Phụ nữ cấp huyện khu vực Miền Trung – Tây Nguyên

Chị Huenh - Hội trưởng phụ nữ xã Kon Chiêng là người tích cực trong mọi phong trào phụ nữ, nói tiếng kinh khá nhưng hỏi về GCN QSDĐ 2 tên thì chị không biết và chưa hiểu được tác dụng của GCN QSDĐ 2 tên đối với quyền phụ nữ, bản thân chị cũng có sổ 1 tên vì chị ở một mình. Trong xã mới chỉ có 31 hộ nghèo làm GCN QSDĐ 2 tên theo Chương trình 134 và theo một dự án khuyến nông của Cơ quan Viện trợ Phát triển Newzealand, chị không để ý sổ 1 tên hay 2 tên. Đợt kê khai cuối năm 2007 đến nay chưa có sổ, xã cũng không có tuyên truyền gì về GCN QSDĐ 2 tên nên cộng đồng ở đây không nhận thức được việc cấp GCN QSDĐ đất bây giờ là tài sản chung của cả 2 vợ chồng khác với luật tục

Tại Trà Vinh và Vĩnh Long, cán bộ và người dân địa phương cho rằng đã có GCN QSDĐ từ lâu rồi nếu đổi được thì tốt, không đổi cũng không sao vì đã có luật hôn nhân gia đình, luật đất đai. Đất là chung của vợ và chồng. Gia đình được “bàn bạc thỏa thuận” trên mọi lĩnh vực. Người phụ nữ tin tưởng tuyệt đối vào chồng. Địa phương ít có tranh chấp giữa vợ và chồng nên không đặt ra vấn đề GCN QSDĐ 2 tên. Đa số các giấy chứng nhận đều đang là tài sản thế chấp trong ngân hàng. Đổi sổ 1 tên sang 2 tên lại tốn tiền đo đạc và mất thời gian...

Tại Hoà Bình, trong TLN và PVS, bà con trên địa bàn khảo sát chỉ biết đến số 1 tên nên khi chưa được cung cấp thông tin, chưa hình dung được GCN QSDĐ 2 tên như thế nào, chưa biết lợi ích của GCN QSDĐ 2 tên mà chỉ thấy có một số điểm nổi bật như sau:

- Hiện nay vấn đề tranh chấp đất đai trong gia đình ít xảy ra trừ một số gia đình ly hôn có tranh chấp đất đai nên vấn đề GCN QSDĐ 2 tên cũng chưa thực sự bức xúc
- Bia đất hiện nay vẫn in mẫu tên một người làm chủ hộ;
- Theo thói quen đất đai thường do người đàn ông trong gia đình đứng tên quản lý

“ Phụ nữ cứ tưởng chỉ có chồng chủ hộ mới được đứng tên trong sổ đất nên cũng không dám hỏi”

(Đình Thị Nga, 35 tuổi, DT Mường, thôn Quyết Chiến, xã Hào Lý, ĐB)

Nhìn chung nhận thức của người dân về tác động của chính sách chưa rõ ràng vì chính sách chưa được phổ biến và áp dụng trong cuộc sống Nhận thức về lợi ích của GCN QSDĐ 2 tên cũng không tránh khỏi mơ hồ vì lý do chưa trải nghiệm trong cuộc sống nên khó hình dung; Khi được cung cấp thông tin, họ có nhận thức khác, tuy nhiên đôi khi còn cảm tính và khiên cưỡng. Đây là một trong những vấn đề đặt ra cho nghiên cứu khi kiếm tìm những giải pháp hữu hiệu để khắc phục thực trạng này.

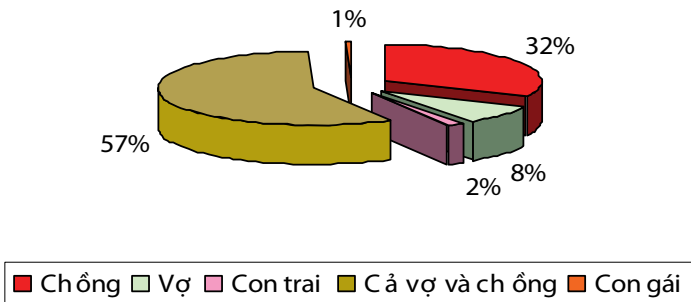
Theo nhận thức của tôi số đồ 2 tên là cần thiết để đảm bảo quyền lợi phụ nữ, vợ chồng bàn bạc khi phát triển kinh tế gia đình, phân chia thừa kế cho con cái. Trước pháp luật phụ nữ có quyền bình đẳng khỏi bị thiệt thòi.

- Ông Nguyễn Điền, 64 tuổi, nông dân, thôn Từ Tâm, xã Phước Hải, huyện Ninh Phước, Ninh Thuận

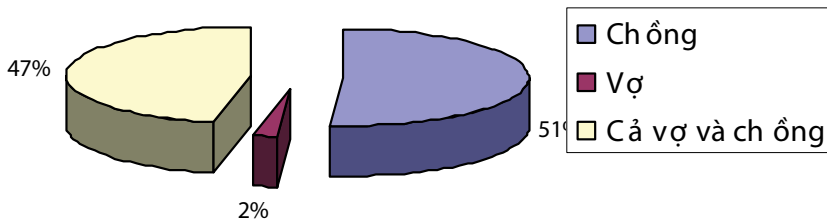
Thái độ về quyền tiếp cận đất của người phụ nữ

Ngoài việc chưa biết và hiểu về chính sách 2 tên trong GCN QSDĐ, người dân ở những vùng này phần đông sống rải rác, trình độ hiểu biết về bình đẳng giới chưa đồng đều, một số gia đình người chồng chưa tạo điều kiện để người vợ được vào GCN QSDĐ 2 tên, nhiều chủ hộ gia trưởng (chỉ muốn đứng 1 tên). Trong khi đó, người phụ nữ là đối tượng hưởng lợi chính của GCN QSDĐ 2 tên chưa quan tâm đến quyền lợi của mình vì chưa có các chương trình về bình đẳng và quyền phụ nữ được tuyên truyền nhiều ở địa phương. Kể cả 6 tỉnh được khảo sát, hầu hết phụ nữ trong các cuộc thảo luận nhóm cũng như phỏng vấn trực tiếp đều thể hiện sự hạn chế trong nhận thức về GCN QSDĐ 2 tên, họ còn quen nếp nghĩ số 1 tên cũng chẳng sao, sổ mang tên người chồng sẽ tốt hơn vì đàn ông làm trụ cột gia đình... Những cách suy nghĩ này gây không ít khó khăn cho việc triển khai chính sách GCN QSDĐ 2 tên. (xem biểu đồ 7)

Biểu đồ 7. Phân bố đối tượng có quyền quyết định với tài sản đất đai ở Ninh Thuận



Biểu đồ 8. Phân bố đối tượng có quyền quyết định lớn nhất với tài sản đất đai ở Gia Lai



Ở Gia Lai, vùng khảo sát là vùng đồng bào dân tộc Bana, người dân tộc thiểu số tuân theo các luật tục của dân tộc Bana hơn là theo Luật pháp. Theo luật tục “Mẫu hệ”, của cải gia đình cho con gái ruộng đất, trâu bò và của cải quý đều thừa kế cho con gái nghiêm nhiên không có tranh chấp trong gia đình. Do đó ruộng đất do ông cha để lại hàng ngàn đời nay ổn định và họ cũng không lo bị ai lấy mất. Và lại, ở vùng dân tộc Bana quyền phụ nữ trong lĩnh vực thừa kế tài sản cao hơn nam giới, cho nên chồng kê khai một tên hay 2 tên là do địa chính xã bảo làm thế nào thì họ làm vậy. GCN QSDĐ chỉ là hình thức, không quan trọng bằng luật làng xử khi có tranh chấp. Tuy nhiên, qua khảo sát có một mối nguy cơ tiềm ẩn về bất bình đẳng giới, đó là của cải có thể của người vợ nhưng trong phạm vi gia đình, cả vợ và chồng cùng bàn bạc để đưa ra quyết định

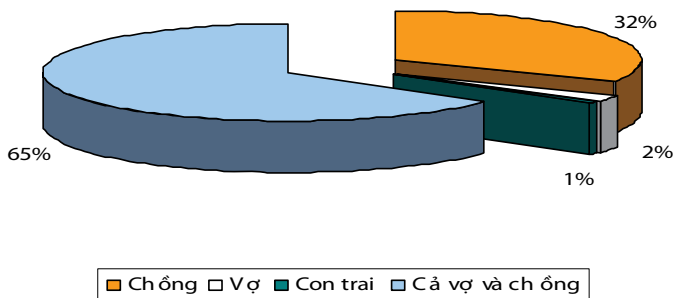
chiếm tỷ lệ 47% số mẫu so với 51% dành cho nam còn vợ chỉ tham gia 2% (Xem biểu đồ 8). Đây là sự thiếu hụt trong nhận thức không chỉ người dân mà cả các cấp chính quyền, đoàn thể địa phương đều cần được bổ sung, tác động để nâng cao.

Qua thực tế và phân tích thấy rằng, ở những vùng có đông cộng đồng dân tộc thiểu số sinh sống, việc tiếp cận quyền sử dụng đất đai của phụ nữ cũng gặp nhiều khó khăn hơn so với những vùng khác. Ở những nơi này, thái độ tiếp cận vấn đề đất đai nói riêng và những vấn đề về quyền lợi và vai trò của người phụ nữ nói chung, còn nhiều hạn chế và bất cập. Định kiến, luật tục khiến nam giới không muốn bị phân chia quyền sử dụng đất, còn phụ nữ thì tự ti, bằng lòng với hiện tại.

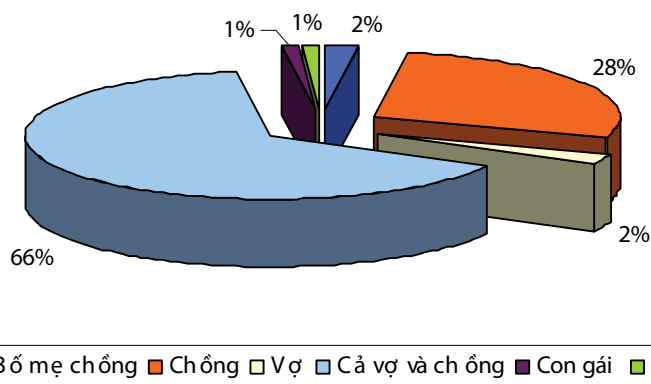
36

Biểu đồ 9. Phân bố đối tượng có quyền quyết định lớn nhất với tài sản đất đai

Trà Vinh



Vĩnh Long



Trong TLN, PVS và thực tế người chồng quyết định việc sử dụng đất đai. Đa số vay vốn trong ngân hàng là tên chồng. Trong nhận thức của người trả lời bảng hỏi là cả 2 vợ chồng chiếm tỉ lệ cao (64,8% - 65.3%) nhưng vì vay vốn phải có chữ kí của cả vợ và chồng nên họ cho rằng đã được bàn bạc. Việc vay vốn phát triển sản xuất của gia đình theo hướng nào là do chồng. Một số gia đình người phụ nữ không đồng tình với chồng, muốn sản xuất theo hướng khác nhưng không làm được vì GCN QSDĐ mang tên chồng. Bên cạnh đó, số đông phụ nữ trình độ thấp để mặc chồng quyết định mọi vấn đề, đặc biệt là sử dụng tài sản lớn nhất của gia đình là đất. Điều này được làm rõ trong phỏng vấn sâu và TLN.

Kinh phí và thủ tục cấp GCN QSDĐ 2 tên

Người dân cho rằng kinh phí là điều họ băn khoăn. Trong các cuộc thảo luận nhóm, người dân cho rằng phí rất cao và còn có hiện tượng 'cò'. Con số chính xác vẫn chưa

được thống nhất nhưng số đồng đều nhận định ít nhất cũng phải mất năm bảy trăm ngàn nên họ ngại đi làm sổ. Theo cán bộ địa chính xã giải thích, mỗi sổ mất lệ phí là 132.000đ nhưng thực tế người dân phải trả cao hơn. Theo quyết định của UBND tỉnh Ninh Phước, miễn toàn bộ phí địa chính cho người dân sản xuất nông lâm nghiệp, chỉ áp dụng cho phí địa chính lần đầu, còn làm lại hoặc đổi sổ vẫn phải nộp các khoản bình thường. Miễn khoản phí địa chính thì lại thu khoản khác như trích lục bản đồ, khoản lập hồ sơ địa chính và lệ phí trước bạ vẫn thu như cũ. Ở ấp Cái Già Trên, khi TLN cho biết: chồng (đứng tên chủ sở hữu) đi làm xa, có người còn không có tiền nộp lệ phí 10.000đ nên mặc dù sổ đã làm từ lâu nhưng họ vẫn không lên xã lấy về.

Còn ở Gia Lai, Huyện Mang Yang, theo thông báo ngày 16/4/2007 của UBND, phí đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính tỷ lệ 1/1000, mức khó khăn 2 là 78.144đ /thửa, đăng ký thống kê lập hồ sơ địa chính mức khó khăn 2 là 68.024đ/giấy, Thẩm định cấp



Một vấn đề khó khăn lớp có tuổi như chúng tôi ngại chuyển đổi sổ, khó khăn về tài chính, không biết được phải chi phí bao nhiêu có người nói trên 500 ngàn gi đó. Theo tôi, cần làm sổ đỏ 2 tên kinh phí thấp cho lớp trẻ, ưu tiên cho hộ nghèo, người già trên 60 cần đổi sổ tách sổ cho con cái. Cần công khai các khoản thu phí để dân biết và tuyên truyền về quyền lợi thiết thực về GCN QSDĐ 2 tên rộng rãi đến mọi người dân và phụ nữ.

- Ông Nguyễn Điền, 64 tuổi, nông dân, thôn Từ Tâm, xã Phước Hải, huyện Ninh Phước, Ninh Thuận

quyền sử dụng đất 500.000đ/giấy, hồ sơ có diện tích dưới 500m². Còn từ 500m² -1 ha là 850.000đ/giấy (khu vực thị trấn). Cộng 3 khoản 648.168 /sổ, diện tích dưới 500m². Lệ phí trước bạ 1 % không tính vào mức phí trên. Đây là khoản phí lớn khiến người dân còn nhiều băn khoăn.

Theo Nghị định số 80/2008/NĐ-CP ngày 29/7/2008 về sửa đổi bổ sung một số điều về lệ phí trước bạ (LPTB).Người nghèo vùng đồng bào dân tộc được miễn khoản lệ phí trước bạ. Nhưng khoản tiền này không lớn, chỉ chiếm 1% trong tổng số khoản phải nộp theo như Huyện Mang Yang đã tính toán. Người dân chỉ muốn được cấp sổ miễn phí, mất kinh phí thì họ không muốn làm.

Về thủ tục giấy tờ người dân cũng có nhiều thảo luận cho rằng còn nhiều phiền phức, nhất là việc xác minh nguồn gốc còn phải thông qua xác nhận của cộng đồng, đất ở vẫn phải ký của các bên liên kế, thông qua hội đồng thẩm định, hội đồng làng mới được coi hợp lệ, do đó mất thời gian và công sức. Do vậy, nhiều hồ sơ đã nộp hàng năm vẫn chưa được hoàn tất. Ở Ninh Thuận người dân dùng sổ đỏ để thế chấp vay vốn ngân hàng nên việc lấy sổ 1 tên về để đổi thành GCN QSDĐ 2 tên cũng là một khó khăn.

Tới 90% ý kiến cho rằng chính quyền chưa tạo điều kiện cho việc cấp GCN QSDĐ 2 tên,

nếu có thì điều làm cho họ lo ngại là thủ tục hành chính để cấp/đổi sổ rườm rà, tốn thời gian đi lại và sợ tốn cả kinh phí nữa.

Tại Đà Bắc và Tam Đường, việc cấp GCN QSDĐ đất theo chủ hộ (sổ 1 tên) đã tiến hành cách đây trên 10 năm, trong quá trình sử dụng đã có nhiều thay đổi, hiện nay nếu tiến hành việc cấp/ đổi GCN QSDĐ 2 tên sẽ phải đồng hành cùng với việc đo đạc lại diện tích cho các hộ gia đình, bao gồm cả việc trong mỗi gia đình hạt nhân đó, nhiều hộ cũng đã tách ra thêm các hộ nhỏ mà ông bố chủ gia đình cũ vẫn đứng tên một sổ đất chung. Đây là chưa kể đến vấn đề ranh giới giữa các xã do một số biến động tách ra, nhập vào bây giờ cũng đòi hỏi phải có sự đo đạc lại và quá trình này tương đối phức tạp, nó vượt quá năng lực và tiềm lực của một xã miền núi như Tú Lý, Hào Lý (Đà Bắc, Hòa Bình) và Bình Lư, Bản Bo (Tam Đường, Lai Châu).

Các khó khăn khác: Sổ đỏ của các hộ gia đình đang nằm trong các ngân hàng chính sách và ngân hàng nông nghiệp; đất đang trong thời gian còn tranh chấp; thừa kế chưa tách ra vì người mẹ chết còn là chủ hộ... Ngoài ra, tại các địa phương này vẫn còn một tỉ lệ không nhỏ phụ nữ mù chữ tự nguyện dành quyền sử dụng đất cho chồng quyết định.Tại Hoà Bình và Lai Châu còn có lý do khác là tỉnh, huyện, xã mới tách hoặc đất đai chủ yếu là đã cấp GCN QSDĐ trước

mốc ban hành Luật 2003 cho số 1 tên; Giấy chứng nhận cũ không đủ ghi tên cho 2 người; Mẫu giấy chứng nhận cũ vẫn giữ vì đã trót mua quá nhiều rồi (Đà Bắc); Nếu cấp/ đổi sổ thì phải đo đạc lại đất đai, vẽ lại bản đồ vì GCN QSDĐ cấp cho các hộ gia đình đã gần 10 năm, hiện nay có nhiều biến động và một số nguyên nhân khác. Đây cũng chính là những khó khăn ảnh hưởng tới tiến độ cấp, đổi GCN QSDĐ 2 tên trong hiện tại và thời gian tới.

2.3. ẢNH HƯỞNG/TÁC ĐỘNG CỦA GCN QSDĐ 2 TÊN ĐỐI VỚI ĐỜI SỐNG CỘNG ĐỒNG, ĐẶC BIỆT LÀ ĐỐI VỚI NGƯỜI PHỤ NỮ

2.3.1. Ảnh hưởng của GCN QSDĐ 1 tên

• Đối với phụ nữ và các hộ gia đình:

Để làm phép so sánh tác động giữa GCN QSDĐ 2 tên và GCN QSDĐ 1 tên, trước khi bàn đến ảnh hưởng/ tác động của GCN QSDĐ 2 tên, nhóm khảo sát đã tập trung khai thác thông tin về những tác động/ ảnh hưởng của số 1 tên và đã thu được các thông tin sau:

Trên thực tế việc chủ hộ (là người chồng) đứng tên một mình trong sổ đỏ đồng nghĩa với việc chồng được quyền quyết định với tài sản đất đai, khi chồng muốn bán hoặc chuyển nhượng cho ai, người vợ không có

quyền tham gia hoặc tham gia cũng “ chỉ lấy lệ” (Ý kiến của một số chi em phụ nữ xóm Tràng (Đà Bắc) và cán bộ phụ nữ Bản Bo) ; Khi gia đình “cơm không lành, canh không ngọt” đưa nhau ra toà ly hôn, người vợ thường bị thiệt thòi và gặp rắc rối trong phân chia tài sản vì không chứng minh được nguồn gốc tài sản (thường là đất đai); khi chồng bị ốm đau người vợ muốn vay vốn ngân hàng không chủ động được hoặc không may nếu chủ hộ mất thì việc chuyển quyền thừa kế cũng lâu hơn và thủ tục hành chính khá rườm rà

Trong việc dựng đất vào mục đích sản xuất, người vợ thường phải ở vào thế bị động, làm gì cũng phải chờ ý kiến của chồng, ngay cả việc mình muốn trồng cây gì, gieo hạt giống nào cũng không không được tự quyết định...

Về mặt tâm lý, người vợ cũng thường có cảm giác tự ti, thiếu chủ động vì nghĩ rằng chuyện gì cũng phải có chồng quyết định mới xong (TLN 8 nữ thôn Hào Phú (Hào Lý, Đà Bắc) và nhóm 10 nữ xã Bình Lư, Tam Đường)

• Đối với cộng đồng/ xã hội:

Sự tồn tại của GCN QSDĐ 1 tên về một khía cạnh nào đó là sự không tuân thủ luật pháp (Luật Đất đai năm 2003 và các văn bản luật pháp đã ban hành nhưng chính quyền địa phương vì nhiều lý do đã không thực thi); Khi có tranh chấp, tòa (Chính quyền) khó phân xử tài sản (chẳng hạn khi ly hôn).

Con gái bà Trần Thị Nhẫn xã Bình Lư, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu, tên là Nguyễn Thị Hằng sinh năm 1982.

Năm 2000, chị Hằng kết hôn và hiện nay đã có một cháu gái 7 tuổi. Sau khi kết hôn được 4 tháng, vợ chồng bà Trần Thị Nhẫn cho 2 vợ chồng chị Hằng một mảnh đất. Hai vợ chồng chị Hằng định làm nhà ở thì bố chồng chị Hằng khuyên nên bán đất đó đi về bố bán cho nhà bên này để ở vì bố mẹ chồng chị Hằng sẽ chuyển về quê ở Thái Bình sinh sống.

Chị Hằng lại bán cho bố mẹ đẻ mảnh đất của mình (mảnh đất do bố mẹ đẻ cho) lấy 15 triệu và mua mảnh đất của bố mẹ chồng. Khi giao tiền, vợ chồng chị Hằng nghĩ là người trong nhà nên không lấy giấy biên nhận của bố mẹ chồng và cũng không chuyển đổi sổ đỏ đứng tên bố chồng thành tên của hai vợ chồng chị.

Sau khi về quê Thái Bình sống được 2 năm, bố mẹ chồng chị Hằng không hiểu lý do gì lại chuyển lên Bình Lư thuê nhà sống (vì nhà đã bán cho con trai và con dâu). Thương bố mẹ chồng phải sống cảnh thuê nhà, vợ chồng chị Hằng mời bố mẹ về nhà mình ở. Chị Hằng lại đưa thêm cho bố mẹ chồng 8 triệu để làm 1 ngôi nhà nhỏ để bố mẹ chồng ở trên chính mảnh đất mảnh đất đó của mình. Khi đó chị Hằng nghĩ sau này bố mẹ có về già thì ngôi nhà đó là của mình chứ còn của ai nữa.

Năm vừa qua, chồng chị Hằng bị nghiện hút nặng và không làm được gì giúp vợ con. Hai vợ chồng mâu thuẫn và chị đã đưa đơn ra toà đòi ly hôn. Gia đình chồng và chồng chị Hằng đều không đồng ý cho hai anh chị ly hôn nên khi ra toà giải quyết gặp nhiều khó khăn.

Chị Hằng kiên quyết đòi ly hôn. Trước toà, bố chồng chị Hằng tuyên bố là mảnh đất vợ chồng chị Hằng đang ở là "của ông" vì hiện nay ông đang giữ sổ đỏ mang tên ông. Chồng chị Hằng nay cũng trở mặt nói rằng "tôi ở nhờ nhà bố mẹ đẻ tôi chứ không phải nhà tôi". Hiện nay toà vẫn chưa biết phân xử và giải quyết như thế nào cho hợp tình hợp lý.

Chị Hằng và gia đình nhà chị giờ mới thấy tiếc vì mình đã không chuyển đổi tên chủ sở hữu mảnh đất khi mua.

Hiện mẹ con chị Hằng vẫn đang phải thuê nhà (200.000 đồng/tháng) để sống. Chị không nghề nghiệp, phải tự bươn chải cuộc sống, đi làm thuê nuôi con ăn học. Gia đình chị Nhẫn muốn giúp con nhưng không được vì toà chưa giải quyết ly hôn xong.

Thương con, bà Nhẫn rất uất ức. Bà nói: Giá mà ngày đó gia đình bà biết được chính sách GCN QSDĐ 2 tên thì con gái bà bây giờ không phải chịu cảnh thiệt thòi như thế!

(Bà Trần Thị Nhẫn, xã Bình Lư, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu kể về trường hợp của con gái).

2.3.2. Tác động của GCN QSDĐ 2 tên

Khảo sát từ các nguồn thông tin có sẵn, đều nhận thấy ảnh hưởng/tác động của GCN QSDĐ 2 tên đối với đời sống cộng đồng, đặc biệt là đối với phụ nữ còn mờ nhạt. Điều này hoàn toàn phù hợp với con số rất thấp những hộ đã có GCN QSDĐ 2 tên ở vùng khảo sát. Thực tế không ít cán bộ, người dân còn chưa hiểu rõ về chủ chương chính sách của nhà nước khi ban hành điều luật này. Tuy nhiên, khi nhóm công tác cung cấp một số thông tin về GCN QSDĐ (số) 2 tên, các nhóm nam nữ đều nhận thấy:

- GCN QSDĐ 2 tên sẽ tạo điều kiện bình đẳng cho cả vợ và chồng sở hữu đất; Nâng cao nhận thức cho nhân dân, đặc biệt là phụ nữ khi họ không biết quyền lợi của chính mình.
- Người phụ nữ sẽ cảm thấy phần khởi vì được làm chủ ngang với người chồng trong gia đình, từ đó tạo được tâm lý thoải mái cho cả gia đình, dẫn đến việc không khí gia đình đầm ấm, kinh tế gia đình sẽ được phát triển. Cũng chính vì thế con cái sẽ được chăm sóc tốt hơn; khi bán hoặc cho ai cần phải có sự đồng ý của 2 bên hoặc trong trường hợp ly hôn thì cũng chủ động hơn trong việc phân chia tài sản.
- Phụ nữ được tham gia ra quyết định về việc trồng cây gì, chuyển nhượng cho ai...(chứ không để người chồng đơn phương tự quyết định). Khi cần vốn làm ăn có thể thế chấp vay vốn (Hiện nay nếu vay vốn làm ăn ngân hàng cũng đòi chữ ký 2 tên nhưng người chồng vẫn là chủ vay và người vợ là thừa kế, đôi khi là để giải quyết hậu quả: Chồng không trả được thì vợ phải trả thay). Nếu sổ hai tên thì có thể phụ nữ đứng chủ vay, chồng thừa kế sẽ chủ động hơn.
- GCN QSDĐ 2 tên còn đảm bảo để người vợ tham gia quản lý, bảo vệ tài sản cho con cái, yên tâm hơn để đóng góp công sức của mình với gia đình; Tạo nên sự tự tin của người vợ bên cạnh người chồng (vì khi không có GCN QSDĐ 2 tên phụ nữ sẽ là người tự ti cảm giác mình không có vai trò gì trong gia đình).
- Khi chồng chết hay ly hôn, quyền lợi của người phụ nữ được đảm bảo; Khi 1 trong 2 người chết không phải chuyển tên.
- Điều đặc biệt quan trọng là khi có GCN QSDĐ 2 tên, vị thế của người phụ nữ đã được nâng lên trong gia đình cũng như xã hội, góp phần thay đổi tính gia trưởng của một số người nam giới

“Nói đại khi rủi ro là chồng có làm sao hoặc chê mình, ly hôn thì mình đương nhiên có phần, không phải tranh chấp nhiều”

(PVS 10 nữ xã Bản Bo).

PHÒNG VẤN NAM CHỦ HỘ VỀ VIỆC CẤP GCN QSDĐ

- **H:** Gia đình ông đã có GCN QSDĐ chưa?
- **Đ:** Có sổ đỏ thôi, hiện nhà tôi có 2 sổ đỏ: 1 cho đất ở + vườn tạp + cấy lúa và 2 cho đất rừng 50 năm
- **H:** Trong sổ đỏ ghi tên những ai
- **Đ:** Đều mang tên tôi cả
- **H:** Ông đã nghe đến GCN QSDĐ 2 tên bao giờ chưa?
- **Đ:** Chưa nghe bao giờ
- **H:** Nếu bây giờ xã đề nghị trong các sổ đất có cả hai tên: tên ông và tên vợ ông, ông nghĩ thế nào?
- **Đ:** Tôi rất ủng hộ. Vì có sự bình đẳng giữa vợ và chồng trong gia đình và như thế vợ chồng cũng tình cảm hơn
- **H:** Ông nghĩ sao về bình đẳng nam nữ?
- **Đ:** là vợ cũng có quyền mà chồng cũng có quyền, ví dụ cả hai cùng có quyền sở hữu tài sản (đất đai)
- **H:** Ông nghĩ thế nào về chính sách GCN QSDĐ 2 tên của Nhà nước?
- **Đ:** Chính sách này rất hợp lý, tôi ủng hộ chính sách này
- **H:** Tại sao sổ đỏ của ông vẫn mang 1 tên ông thôi?
- **Đ:** Trước đây chính sách của Nhà nước ghi sổ đất theo tên chủ hộ, giờ chưa thấy nói đổi
- **H:** Theo ông thì Sổ mang 2 tên giúp gì cho gia đình ông?
- **Đ:** Nếu có như vậy thì vợ chồng yên tâm làm ăn, không sợ vợ lấy đất hoặc chồng lấy đất. Không ai lấy được của ai. Chồng và vợ có cơ hội để chủ động đầu tư, vợ không phải chờ chồng; Rất thuận lợi cho việc phát triển kinh tế vì nó tạo cơ hội, thời cơ cho cả vợ và chồng từ đó thôn xóm cũng phát triển.

(PVS Ông Nguyễn Trọng Tú, 55 tuổi, Bản Vân Bình, xã Bình Lư, huyện Tam Đường, LC)

Kết quả TLN, PVS dưới đây cụ thể hoá những tên đối với đời sống cộng đồng, đặc biệt là tác động ảnh hưởng của giấy chứng nhận 2 phụ nữ.

Sử dụng GCN QSDĐ QSDĐ mang 2 tên vợ chồng

Hoạt động	Tỷ lệ %	
	Trà Vinh	Vĩnh Long
Thế chấp vay vốn	87.5	28.1
Đảm bảo quyền lợi khi phân chia thừa kế	55.6	12.5
Đảm bảo quyền lợi khi chuyển nhượng quyền sử dụng đất	67.4	14.4
Cho thuê quyền sử dụng đất	0.0	12.5
Đảm bảo quyền lợi khi ly hôn	47.9	36.9
Góp vốn	4.9	3.8
Khác	0.0	0.6

44

Vùng đồng bào dân tộc Bana ở Gia Lai cũng có thay đổi nhận thức khi được cung cấp thông tin về GCN QSDĐ 2 tên. Theo luật tục ở làng, đất của bố mẹ cho thì người con đương nhiên sử dụng, được dân làng công nhận mà không cần giấy tờ xác nhận của chính quyền của xã. Nhưng nếu vợ mất, chồng lấy vợ khác, con vợ cả không được hưởng tài sản gây sự thiệt thòi. Do đó người phụ nữ muốn có tên trong sổ đỏ để con cái họ được hưởng thừa kế trong trường hợp họ chết đi. Trong những tranh chấp đối với những khu đất khai hoang, sổ đỏ sẽ mang

lại ranh giới đất đai rõ ràng hơn Theo lệ làng khi vợ chồng ly hôn thì người quyết định ly hôn sẽ không nhận được tài sản gì. tất cả đất đai, tài sản thuộc về người kia nhưng nếu có sổ đỏ 2 tên, pháp luật sẽ giải quyết một cách công bằng hơn. Người dân bắt đầu quan tâm nhiều đến việc dùng sổ đỏ để trao đổi mua bán đất vì đất có sổ đỏ thì bán được giá cao hơn, có cơ hội tham gia vào các dự án. Đối với việc vay vốn ngân hàng cũng vậy, nếu có sổ đỏ để thế chấp sẽ vay được số tiền lớn, nếu không chỉ có thể vay số vốn hạn chế ở Ngân hàng chính sách mà thôi.

Câu chuyện hộ gia đình chị là M Lanh, 31 tuổi, dân tộc Bana có sổ đỏ 1 tên sau đổi sang GCN QSDĐ 2 tên và dùng GCN QSDĐ này vay vốn phát triển sản xuất thành công,

Năm 2000 làm sổ đỏ chung cả đất ruộng, rẫy và 1 ha đất vườn chỉ có tên chồng. Năm 2004 làm lại sổ đỏ có mang tên vợ và chồng. Gia đình đã dùng sổ đỏ để thế chấp vay vốn ngân hàng. Chị đã vay được vốn 2 lần để phát triển kinh tế gia đình, lần 1 là 3 triệu đồng lãi 0.6%/tháng, chị dùng khoản tiền vay vào việc mua bò hết 1,5 triệu, còn lại đầu tư vào làm ruộng. Lần 2 chị tiếp tục vay là 5 triệu đồng, tiếp tục đầu tư vào mua bò hết 3,8 triệu, còn 1,2 triệu đầu tư vào nương rẫy thuê cày đất... Đến nay khoản tiền vay ngân hàng đã trả xong và có vốn phát triển sản xuất thoát được nghèo.

Theo luật tục của người Bana phụ nữ có quyền quyết định tài sản thừa kế cao hơn nam giới cả về quyền sử dụng đất. Nhưng gia đình chị từ khi chưa có sổ đỏ, đến sổ 1 tên rồi đổi GCN QSDĐ 2 tên cả 2 vợ chồng đều bàn bạc cùng quyết định. Gia đình làm sổ đỏ lần đầu không mất tiền do có hỗ trợ. Làm bia đỏ lần sau mất tiền 500.000 đ. Gia đình Chị cho rằng sổ đỏ rất quan trọng. Theo luật tục thì nam bỏ vợ hoặc nữ bỏ chồng đều không nhận được bất kỳ tài sản nào. Nhưng đất đai là tài sản có giá trị trong gia đình đã có GCN QSDĐ 2 tên thì khi gia đình có vấn đề thì quyền lợi của nam và nữ đều được bảo đảm./.

Kết quả nghiên cứu định lượng cho thấy người dân đánh giá về việc người phụ nữ có tên trong GCN QSDĐ lần lượt là có ích 40% và rất có ích 57,0% ở Ninh Thuận và 40-59,6% ở Gia Lai. Dùng sổ đỏ để vay vốn phát triển sản xuất 51-63,6%, chuyển nhượng 18-

20,9% cho 2 tỉnh. Góp vốn sản xuất 26,9% ở Ninh Thuận. Đáng chú ý phân chia tài sản và bảo đảm quyền lợi khi ly hôn người dân tộc Bana dựa nhiều vào luật tục có tỷ lệ thấp hơn 9,1 % so với 21-23,8% ở Ninh thuận (xem bảng)

Tác động của GCN QSDĐ 2 tên tại Ninh Thuận và Gia Lai (đơn vị %)

Địa phương	Có ích	Rất có ích	Để vay vốn sản xuất	phân chia tài sản	chuyển nhượng	Góp vốn sản xuất	Bảo đảm khi ly hôn
Ninh Thuận	40,57	57,0	51,0	21,3	20,9	26,9	23,8
Gia Lai	40,40	59,6	63,6	9,1	18,2	-	9,1



So sánh giữa hai vùng thì tuy phụ nữ ở Ninh Thuận có tên trong GCN QSDĐ 2 tên chưa cao nhưng sự tiếp cận đất đai để phát triển sản xuất tốt hơn. Còn ở Gia Lai, phụ nữ cũng là người tiếp cận đất canh tác nông nghiệp nhưng chủ yếu dựa vào tự nhiên, không đầu tư phân bón, cây trồng đơn giản với cây mì làm chủ lực. Mì là cây làm đất nghèo dinh dưỡng nhanh. Do đó tỷ lệ nghèo ở Gia Lai cao hơn Ninh Thuận mặc dù diện tích đất/ đầu người cao hơn gấp 4-5 lần ở Ninh Thuận.

Tại Hoà Bình và Lai Châu, PVS và TLN cũng cho thấy đa số ý kiến đều mong muốn là sớm được cấp GCN QSDĐ 2 tên vì nó rất có ích (Chiếm 72,1 % ở Hoà Bình và 73,9% ở Lai Châu). Việc có tên trên GCN QSDĐ đảm bảo quyền lợi cho phụ nữ (đứng thứ nhất và thứ nhì trong bảng xếp thứ tự ưu tiên khi thăm dò thái độ về quyền tiếp cận đất của phụ nữ ở các xã khảo sát tại Hòa Bình và Lai Châu), nó tạo điều kiện cho cả nam và nữ bình đẳng trong quản lý và sử dụng đất đai nên cần sớm triển khai việc cấp GCN QSDĐ 2 tên tại địa phương

Tại các địa bàn khác, đa phần cán bộ, người dân, đặc biệt là phụ nữ tham gia TLN, PVS đều rất hồ hởi khi biết được mình có quyền đứng tên cùng chồng trong GCN QSDĐ. Họ hy vọng thông qua đó mình sẽ có quyền bình đẳng với chồng, được bình đẳng bàn bạc, thảo luận với chồng trong việc vay vốn, trồng cây gì, gieo hạt giống gì cho có hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp

Đánh giá chung: Trên thực tế hầu như chưa có tác động thật sự của GCN QSDĐ 2 tên do việc cấp phát chưa phổ biến, nên nhóm khảo sát đã tập trung khai thác những tác động/ảnh hưởng không tốt của GCN QSDĐ 1 tên và thu nhận những thông tin giả định của GCN QSDĐ 2 tên. Và những thông tin thu được cũng phản ánh phần nào nguyện

vọng của người dân cũng như tác động giả định của số hai tên với cộng đồng. Điều này có thể là tác nhân tốt cho việc tiến hành cấp GCN QSDĐ 2 tên tại địa phương trong thời gian tới.

2.4. Những giải pháp nhằm thúc đẩy việc cấp và sử dụng GCN QSDĐ 2 tên

Như trên đã phân tích, việc cấp GCN QSDĐ 2 tên mang lại quyền bình đẳng cho phụ nữ trong vấn đề tiếp cận đất, tạo cho phụ nữ có cơ hội tăng quyền của mình, thực hiện giảm nghèo. Để thúc đẩy việc cấp GCN QSDĐ hai tên đòi hỏi phải có nhiều giải pháp đồng bộ và phải được triển khai từ nhiều phía. Từ thực tế khảo sát ở các địa phương, 3 nhóm nghiên cứu đã tập hợp ý kiến của cộng đồng thành các nhóm giải pháp cho các tỉnh như sau :

2.4.1. Nhóm giải pháp đối với chính quyền

Các cấp lãnh đạo cần thấy rõ tầm quan trọng của việc cấp mới GCN QSDĐ 2 tên và đổi GCN QSDĐ 1 tên sang 2 tên. Nhà nước (Chính phủ, Bộ TNMT) cần có văn bản hướng dẫn riêng về GCN QSDĐ 2 tên;

Chính quyền cấp huyện cần có kế hoạch chỉ đạo địa chính và các ngành thực hiện và cần nâng cao năng lực cán bộ địa chính cả về số lượng vì hiện một số xã chỉ có 1 cán bộ địa chính làm không hết khiến hiệu quả công việc còn hạn chế. Cần phổ biến chủ trương chính sách GCN QSDĐ 2 tên cho địa chính các xã được biết về lợi ích và thủ tục cấp GCN QSDĐ 2 tên;

Cán bộ địa chính cấp xã hướng dẫn tận nơi cho các hộ gia đình (giải thích cách làm, lợi ích của GCN QSDĐ 2 tên, cần so sánh rõ lợi ích của GCN QSDĐ 2 tên so với 1 tên cho bà con hiểu và thực hiện);

Chuẩn hoá đội ngũ cán bộ (sắp xếp lại hoặc thay thế cán bộ địa chính xã yếu);

Xây dựng kế hoạch cụ thể, đồng bộ, thống nhất toàn dân; Lập kế hoạch rõ ràng cho từng thôn xã, làm cuốn chiếu để tránh thiếu sót;

Phải có chế tài yêu cầu các hộ gia đình phải đổi GCN QSDĐ thanh 2 tên;

- Ưu tiên1: Nhận thức của Chính quyền địa phương thấy rõ tầm quan trọng của việc cấp GCN QSDĐ 2 tên
- Ưu tiên2: Có kế hoạch chỉ đạo Cán bộ địa chính và các ngành thực hiện.
- Ưu tiên3: tăng cường năng lực cán bộ địa chính đủ số lượng và chất lượng.

Có sự phối hợp của các ngành trong việc cấp đổi GCN QSDĐ 1 tên sang 2 tên:

Cần có sự phối hợp triển khai đồng bộ của khối văn phòng, tài chính, TN&MT, giảm các công đoạn chờ của từng khâu. Vì vậy Chính quyền huyện có văn bản chỉ đạo các ban ngành huyện thống nhất phương án thực hiện. Chính quyền xã, địa chính ban ngành cơ sở phối hợp lập hồ sơ chất lượng.

- Ưu tiên1: UBND huyện có văn bản chỉ đạo các ban ngành huyện triển khai thực hiện đồng bộ.
- Ưu tiên2: Các ban ngành huyện thống nhất phương án thực hiện.
- Ưu tiên3: Chính quyền xã, địa chính ban ngành cơ sở phối hợp lập hồ sơ có chất lượng.

2.4.2. Nhóm giải pháp về tuyên truyền và tập huấn

- Nâng cao nhận thức về chính sách/ lợi ích của GCN QSDĐ 2 tên
- Quyền phụ nữ, bao gồm cả quyền tiếp cận đất đai và các nguồn lực khác

- Tuyên truyền về bình đẳng giới cho cả nam và nữ
- Mở lớp tập huấn về GCN QSDĐ 2 tên cho cán bộ địa chính xã
- Cách thức tuyên truyền:
 - Đưa thông tin về tận các cuộc họp thôn bản
 - Phát tờ rơi, tài liệu đơn giản cho các hộ gia đình đọc và hiểu rõ về GCN QSDĐ 2 tên
 - Hỗ trợ các lớp học xóa mù chữ (như các lớp của AAV đang tổ chức), các câu lạc bộ để nâng cao trình độ hiểu biết cho phụ nữ để họ có thể tiếp cận với các văn bản pháp luật dễ dàng hơn
 - Phổ biến trên báo đài, TV địa phương, loa truyền thanh của xã

Để chính sách GCN QSDĐ 2 tên được thực thi trong cuộc sống rất cần sự vào cuộc của các ngành đoàn thể, các tổ chức xã hội trong việc tuyên truyền sâu rộng trong người dân hiểu biết về luật đất đai; về nghĩa vụ, quyền lợi của GCN QSDĐ 2 tên đối với cộng đồng và đặc biệt là đối với phụ nữ.

- Ưu tiên 1: Nhóm phụ nữ cần được tập huấn do hội phụ nữ chủ trì, (1 lần / xã) vùng người kinh. Vùng người dân tộc ở Gia Lai trước hết tập huấn cho cán bộ cơ sở trong đó có trưởng thôn, già làng (1 lần/xã).
- Ưu tiên 2 : Mở rộng phổ biến đến dân cả nam lẫn nữ, qua hệ thống thôn hoặc các hội ít nhất 1 lần ở vùng người kinh Ninh Thuận và phụ nữ vùng đồng bào dân tộc ở Gia Lai (tập huấn 1 lần /xã).
- Ưu tiên3 :Nhóm cán bộ làm nghiệp vụ địa chính và cán bộ cơ sở để họ làm tốt hơn, cần tập huấn 1 lần ở Ninh Thuận. Vùng Gia Lai đồng bào dân tộc, người

dân được nghe thông qua họp thôn ít nhất 1 lần, kết hợp tuyên truyền của già làng và nhóm thanh niên tích cực. (Xem phụ lục)

Đối với Trà Vinh, do trình độ dân trí thấp hơn Vĩnh Long nên số người dân chưa biết qui định về cấp GCN QSDĐ 2 tên chiếm 77,9%, chưa hiểu ý nghĩa của qui định chiếm 87.6%, trong khi ở Vĩnh long các con số này lần lượt là 65,6% và 53,8%. Vì thế, giải pháp ưu tiên 1 hoặc 2 đối chỗ cho nhau là hoàn toàn hợp lý. Hơn nữa, 2 giải pháp này phải làm đồng thời mới có hiệu quả.

2.4.3. Nhóm giải pháp nâng cao năng lực cho cán bộ địa chính

- + Tập huấn về Luật đất đai 2003 và chính sách GCN QSDĐ 2 tên
- + Tập huấn về Luật bình đẳng giới và quyền tiếp cận đất của phụ nữ
- + Cần bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ địa chính xã, cụ thể là trình tự thủ tục cấp GCN QSDĐ 2 tên
- + Tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ xã phụ trách về đất đai
- + Nâng cao năng lực làm việc cho cán bộ phòng TN&MT

2.4.4 - Nhóm giải pháp về Thủ tục

- Đơn giản thủ tục và rút ngắn thời gian là nguyện vọng của người dân, do có nhiều giấy tờ nhiều người không theo đuổi được hoặc phải bổ xung làm cho thời gian hoàn thành kéo dài và hồ sơ nằm văn phòng hàng năm, họ cũng muốn được cung cấp thông tin, niêm yết quy trình thực hiện đến thôn.
 - Ưu tiên 1 : Giảm bớt những giấy tờ ngoài luật, những giấy tờ do địa phương tự đặt ra.
 - Ưu tiên 2 :Giảm bớt các thủ tục hành chính rườm rà trong việc cấp và đổi

sổ và bổ xung tên .

- Ưu tiên 3: Được cung cấp thông tin, niêm yết quy trình thực hiện đến thôn
- Có quy định riêng về trình tự thủ tục cấp/ đổi GCN QSDĐ 2 tên
- Đơn giản hoá thủ tục đổi GCN QSDĐ 2 tên
- Cải cách thủ tục hành chính để việc cấp /đổi sổ tiến hành nhanh gọn và thuận tiện cho người dân
- Các thủ tục phải được giải quyết nhanh, giảm phiền hà cho người dân

2.4.5 - Nhóm giải pháp về kinh phí:

Hỗ trợ kinh phí cấp /đổi sổ cho người nghèo; Giảm lệ phí cấp mới và đổi sổ 1 tên sang 2 tên

Người dân có nhiều băn khoăn về khoản phí, khi làm sổ mới cũng như đổi và tách sổ, các khoản phí gồm phí địa chính đo đạc hoặc trích lục bản đồ, lập hồ sơ địa chính, thẩm định hồ sơ và lệ phí trước bạ. Nếu giảm toàn bộ là người dân được miễn phí còn miễn giảm chỉ giảm trong số cấu thành phí vì vậy để nghị cũng theo các mức ưu tiên như sau:

- Ưu tiên1 : Miễn lệ phí toàn bộ cho hộ nghèo, người già cô đơn vùng người kinh, đồng bào dân tộc, người nghèo.
- Ưu tiên2: Giảm lệ phí cho hộ chính sách, giảm từng phần cho từng đối tượng.
- Ưu tiên3: Mức lệ phí đổi sổ 1 tên sang 2 tên phù hợp, chỉ đổi sổ bổ xung tên. (50.000đ/giấy), miễn hoặc giảm từng phần phí cho nhóm người kinh sống ở vùng 3 sống cùng đồng bào dân tộc

Hỗ trợ kinh phí tuyên truyền Luật đất đai 2003 và đổi GCN QSDĐ 2 tên

Giảm lệ phí đổi sổ (Xem phụ lục)

Đánh giá chung: Luật đất đai 2003 nói chung và chính sách về GCN QSDĐ 2 tên trong luật này nói riêng ra đời đã hơn 5 năm nhưng gần như nó chưa/ít tác động gì đối với đời sống của người dân tại các địa bàn khảo sát. Ở nhiều nơi, ngay cả cán bộ huyện (trừ cán bộ phòng TNMT), xã cũng còn chưa biết đến chính sách này.

Vì vậy các giải pháp mà cộng đồng kiến nghị đầu tiên là phải tuyên truyền Luật và chính sách tới người dân, trong đó có việc tuyên truyền ý nghĩa của GCN QSDĐ 2 tên (90,6% người được hỏi ở Hoà Bình và 95,0% Lai Châu tán thành với ý kiến này). Cách dùng thẻ màu hỏi ý kiến trong TLN cũng cho thấy các đề xuất đều tập trung vào yêu cầu này.

Cụ thể hơn, đề xuất của nhóm đối tượng khảo sát còn kiến nghị các cấp chính quyền và đoàn thể, đặc biệt là Hội phụ nữ phải tuyên truyền cho phụ nữ hiểu rõ lợi ích/ tác động của GCN QSDĐ 2 tên thông qua nhiều

hình thức tuyên truyền. Điều này sẽ thuận lợi khi có các tổ chức phát triển quan tâm xúc tiến việc này như Actionaid Việt Nam.

Một vấn đề khá nổi cộm ở địa phương là cán bộ triển khai các chính sách năng lực chưa đáp ứng nhu cầu, còn có thái độ trông chờ ỷ lại cấp trên (trên chưa hướng dẫn, nhắc nhở thì dù có luật cũng như không). Vì vậy đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho các cán bộ làm thủ tục đất đai cũng là một giải pháp được chú trọng.

Và cuối cùng là đơn giản hoá các thủ tục hành chính, giảm phiền hà cho dân khi đổi/cấp sổ. Nếu không có điều này thì dù biết là có lợi người dân vẫn ngại ngần khi thực hiện.

Với những cơ hội/thách thức, thuận lợi/khó khăn như đã nêu trên, những giải pháp bền vững nhằm thúc đẩy việc cấp và sử dụng GCN QSDĐ QSDĐ 2 tên, nhằm đảm bảo quyền bình đẳng thực sự của người phụ nữ trong tiếp cận đất đai đã được người dân và cán bộ địa phương đề ra, có khả năng thực hiện và đạt kết quả, đáp ứng yêu cầu, nguyện vọng của người dân.





Ở Việt Nam, "đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu". Nhà nước ban hành các chính sách pháp luật quy định việc cấp GCN QSD đất (trong đó có GCN 2 tên).

CHƯƠNG 3: KẾT LUẬN, KHUYẾN NGHỊ

3.1 - KẾT LUẬN

Các văn bản luật trước mốc năm 2003 về cấp GCN QSDĐ cho hộ gia đình chỉ quy định người đứng tên là chủ hộ - mà thường đó là người chồng trong gia đình. Theo Luật Hôn nhân và Gia đình, điều này vẫn đảm bảo quyền lợi của vợ và chồng, bởi tài sản hình thành trong thời kỳ hôn nhân là tài sản chung, khi định đoạt phải được sự đồng ý của hai người. Tuy nhiên đã xảy ra những trường hợp người đứng tên trong GCN QSDĐ tự ý mua bán, chuyển nhượng, xâm phạm quyền của vợ và các thành viên khác trong gia đình. Vì vậy vấn đề đăng ký họ tên cả vợ chồng trong giấy tờ đất đai được đặt ra.

Trước khi ban hành Luật, Bộ TNMT đã thí điểm tổ chức ghi tên cả vợ lẫn chồng trong các giấy tờ về quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản trên đất ở tỉnh Nghệ An và được người dân ở đây hưởng ứng.

Tháng 11/ 2003 Luật Đất đai sửa đổi ra đời và sau đó là các văn bản hướng dẫn, Chính phủ, Bộ trưởng Tài Nguyên và Môi Trường Việt Nam đã ban hành một số điều khoản sửa đổi quyền sử dụng đất. Cụ thể là trong GCN QSDĐ QSD đất sẽ bao gồm cả tên vợ và tên chồng.

Việc ban hành Luật Đất đai mới đã tạo cơ hội trao quyền cho phụ nữ. Vai trò của họ sẽ được củng cố để đóng góp nhiều hơn

cho sự phát triển cộng đồng và gia đình họ tiến bộ hơn. Tuy nhiên, việc áp dụng luật vào cuộc sống không phải ở nơi nào và khi nào cũng thuận lợi. Đặc biệt là ở vùng núi, vùng sâu vùng xa, nơi người dân còn gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn về kinh tế và thiếu thông tin, việc áp dụng luật vào cuộc sống còn gặp rất nhiều trở ngại..

Khảo sát quyền tiếp cận đất của phụ nữ trong các vùng phát triển của AAV ở 6 tỉnh do 3 nhóm thực hiện tuy diễn ra trong thời gian rất ngắn (7 ngày cho khảo sát thực địa tại mỗi vùng) nhưng đã mang lại những kết quả rất đáng lưu tâm.

Trước hết, cuộc khảo đã cung cấp những thông tin cơ bản về thực trạng của tình hình cấp GCN QSDĐ QSD 2 tên ở 6 địa phương trải suốt 3 miền Bắc, Trung, Nam Việt Nam. Nhìn chung, tại các địa bàn khảo sát, đất đai đã được cấp phần lớn trước khi Luật Đất đai 2003 ra đời, các thông tin về Luật đất đai và những điều liên quan đến quyền tiếp cận đất của phụ nữ chỉ mới tới được cấp huyện, chưa được phổ biến đến người dân.

Theo thông tin chưa đầy đủ trong các tài liệu thứ cấp và các đoàn khảo sát khai thác, tại các vùng khảo sát, GCN QSDĐ 2 tên mới chỉ cấp được cho một tỷ lệ nhỏ (Hoà Bình và Lai Châu: 1-5%; Ninh Thuận và Gia Lai; Trà Vinh và Vĩnh Long, tỉ lệ cao hơn một chút:10-15% - tính chung cho các loại đất).

Nguyên nhân của tình trạng trên trước hết là do hầu hết các địa phương cấp tỉnh chưa triển khai chủ trương một cách cụ thể tới cấp huyện. Nhiều cán bộ huyện, xã (trừ cán bộ phòng TNMT huyện) cũng chưa hiểu GCN QSDĐ 2 tên là gì. Và vì chưa có thông tin họ cũng chưa hiểu gì nhiều về lợi ích và tác động của nó.

Một lý do mà các cấp chính quyền ở đây đưa ra là có tới 95% số GCN QSDĐ được cấp trước mốc 2003 và từ đó cho đến nay chưa có người dân nào đề nghị cấp lại và vì vậy chính quyền cũng “không chú ý”.

Có những lý do tưởng chừng rất nhỏ nhưng cũng là nguyên nhân để cản trở chính sách này: Đó là tại một số huyện như Đà Bắc (Hòa Bình), Tam Đường (Lai Châu), trước đây phòng TN&MT huyện mua về rất nhiều loại GCN QSDĐ dùng để cấp cho chủ hộ (chủ yếu là đàn ông - người chồng) và mẫu GCN QSDĐ này chỉ trừ đúng một khoảng nhỏ để in họ tên 1 người, nay nó trở thành lục căn cho việc ghi 2 tên - hai dòng cho vợ và chồng (theo ông Phán, trưởng phòng TN&MT huyện Đà Bắc, Hòa Bình)

Còn về phía người dân, họ chưa nắm được thông tin, huyện và xã chưa phổ biến, chưa tuyên truyền giải thích nên nghe nói đến GCN QSDĐ 2 tên mọi người đều không hiểu đó là loại giấy tờ gì. Nếu không có giải thích từ đoàn khảo sát họ không thể hình dung ra được. Và điều dễ hiểu sẽ xảy ra là họ cũng chưa biết nó có tác động gì trong đời sống của họ. Những người phụ nữ tham gia cung cấp thông tin cho cuộc khảo sát nói, họ có nghe nói về quyền phụ nữ và bình đẳng giới trong các cuộc họp do phụ nữ xã tổ chức nhưng chưa bao giờ nghe nói về quyền phụ nữ trong tiếp cận đất đai. Những người hiểu chút ít về bình đẳng giới cho biết: theo họ bình đẳng giới là bình đẳng nam nữ, phụ nữ cũng có quyền như nam giới nhưng có quyền gì thì họ chỉ cười không trả lời.

Việc cấp GCN QSDĐ 1 tên đã tạo nên sự bất bình đẳng về quyền tiếp cận đất đai của phụ nữ so với nam giới trong việc này. Mặc dù người phụ nữ tham gia vào hoạt động trồng trọt nhiều không kém đàn ông nhưng hầu như tuyệt đại đa số chủ hộ đứng tên sổ đất là nam giới. Điều này dẫn đến hệ quả là người phụ nữ dễ mất quyền với đất đai trong mọi trường hợp, nhất là khi vợ chồng ly thân hay ly hôn. Đây là chưa kể tới những khó khăn của người phụ nữ trong trường hợp cần vay vốn tín dụng của nhà nước hay được quyền chủ động trồng cây gì, gieo hạt giống gì đạt năng suất cao mà bị chồng phản đối.

Tuy nhiên vì thiếu thông tin nên phần đông phụ nữ đành phó thác cho chồng, nhà nước muốn cấp cho ai thì cấp, miễn là gia đình có đất để sản xuất

Đã có nhiều ảnh hưởng không tốt của số 1 tên đến đời sống của cộng đồng, đặc biệt là phụ nữ. Mặc dù khi vay vốn, ngân hàng đã yêu cầu cả vợ và chồng đều phải ký tên vào hồ sơ vay nhưng trên thực tế đã có trường hợp khi chồng ốm đau người vợ muốn đi vay ngân hàng cũng không thực hiện được. Hoặc khi ly hôn, người vợ không chứng minh được nguồn gốc đất (tài sản) của mình nên đành chịu thiệt thòi “tay trắng ra đi”. Đơn giản hơn là các trường hợp người chồng toàn quyền quyết định việc trồng cây gì, gieo hạt giống nào mà người vợ không được tham gia hoặc có tham gia thì cũng chỉ lấy lệ.

Tình hình trên đặt ra một nhu cầu bức xúc là cần phải có một chiến dịch tuyên truyền sâu rộng cho người dân, đặc biệt là phụ nữ hiểu về quy định GCN QSDĐ hai tên trong Luật Đất đai 2003 và phải thực thi chính sách này trong cuộc sống. Điều này chỉ có thể thực hiện được khi các cấp chính quyền từ tỉnh đến huyện, xã thống nhất phương hướng và có kế hoạch triển khai cụ thể.

Đa số ý kiến người dân được hỏi cho rằng để phát huy hiệu quả sử dụng đất đai, cần để người phụ nữ đứng tên chủ hộ trong sổ đất. Nhiều ý kiến chia sẻ quan điểm cần dành cho phụ nữ quyền tiếp cận với đất đai nhiều hơn, nhất là phụ nữ đơn thân có gia đình. Việc bảo đảm quyền bình đẳng của người phụ nữ với nam giới trong tiếp cận đất đai chỉ có thể được cải thiện khi có sự quan tâm chia sẻ và thúc đẩy của luật pháp, chính quyền, các đoàn thể địa phương và các cơ quan tổ chức quan tâm đến vấn đề quyền phụ nữ và bình đẳng giới.

3.2 - KHUYẾN NGHỊ

Cuộc khảo sát tuy ở phạm vi chưa rộng khắp, nhưng cũng cho thấy một thực trạng khá phổ biến trong việc thực thi pháp luật ở Việt Nam: Đó là việc các chính sách do Nhà nước ban hành nếu không có sự tham gia hưởng ứng tích cực của chính quyền địa phương thì rất dễ bị lãng quên và không phát huy được hiệu quả tích cực trong cuộc sống.

Việc ban hành các chính sách liên quan đến GCN QSDĐ 2 tên là một chính sách thể hiện sự quan tâm của Nhà nước đối với phụ nữ, tạo cơ hội cho người phụ nữ được ngang quyền với nam giới trong sở hữu nguồn lực, tư liệu, công cụ sản xuất. Tuy nhiên đáng tiếc là các cấp chính quyền địa phương vì nhiều lý do đã chưa thực thi chính sách này. Mặt khác do điều kiện sống còn khó khăn, học vấn và dân trí chưa cao cộng thêm việc thiếu các nguồn thông tin tin cậy, người dân cũng ít khi quan tâm đến chính sách, dù đó là những chính sách có thể làm thay đổi cơ bản cuộc sống của họ, giúp họ và gia đình thoát nghèo, nâng cao chất lượng cuộc sống.

Qua việc tổng hợp từ 3 nhóm nghiên cứu khảo sát tại 12 xã của 6 huyện chúng tôi xin có các kiến nghị sau:

3.2.1 Về phía Chính phủ và Bộ TNMT

Ngoài các văn bản đã ban hành về GCN QSDĐ QSD đất theo Luật đất đai 2003,

cần có một văn bản riêng hướng dẫn về GCN QSDĐ QSD 2 tên để các địa phương căn cứ thực hiện. Rất hữu ích nếu có một thông tư liên tịch của Bộ TNMT và Hội LHPN Việt Nam hoặc Ủy ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ hướng dẫn rõ về lợi ích và sự cần thiết phải thực hiện việc cấp/ đổi các loại GCN QSDĐ đất ở/ đất sản xuất có tên của người vợ/ phụ nữ bên cạnh người chồng/ đàn ông

- Bộ tài nguyên môi trường có thể nghiên cứu, đưa ra văn bản qui định phù hợp: GCN QSDĐ đã làm trước khi có quyết định số 08/2006/QĐ - BTNMT, ngày 21/7/2006, nếu đất là tài sản chung được nhà nước giao cho hộ gia đình thì sổ 1 tên có giá trị như 2 tên. Nếu hộ gia đình đề nghị chỉ ghi tên một người thì phải có bản thỏa thuận của 2 vợ chồng có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi đăng ký thường trú hoặc công chứng nhà nước. (Không phải đổi sổ 1 tên sang 2 tên).
- Xây dựng qui định, cơ chế phối hợp các ban ngành, đoàn thể thúc đẩy quyền tiếp cận đất của phụ nữ. Có sự kiểm tra, giám sát đôn đốc việc thực hiện làm GCN QSDĐ 2 tên vợ và chồng

3.2.2 Cần triển khai một chiến dịch tuyên truyền rộng rãi trên toàn quốc, đặc biệt cho người dân các vùng núi, vùng sâu vùng xa hiểu rõ hơn lợi ích và tác động tích cực của GCN QSDĐ 2 tên.

Muốn để người dân biết rõ chủ trương, chính sách này mang lại lợi ích cho người phụ nữ như thế nào, bên cạnh việc phổ biến thông tin, Hội LHPN các cấp cần phải tuyên truyền về Luật bình đẳng giới, về quyền phụ nữ, trong đó có quyền tiếp cận đất đai, nguồn lực để phụ nữ hiểu đúng hơn tác động của GCN QSDĐ 2 tên.

Trong việc tuyên truyền phổ biến thông tin, các cán bộ địa chính địa phương rất cần sự hỗ trợ từ bên ngoài: ví dụ in ấn tài liệu, tổ chức các buổi thuyết trình, sinh hoạt câu lạc bộ, thảo luận nhóm với cộng đồng để

phổ biến về Luật đất đai 2003 và làm rõ hơn lợi ích của GCN QSDĐ 2 tên.

Vi các địa bàn khảo sát đều là các địa phương thuộc vùng phát triển của AAV nên chính quyền và người dân kỳ vọng AAV sẽ hỗ trợ họ trong việc tuyên truyền phổ biến Luật đất đai liên quan đến GCN QSDĐ 2 tên cho người dân.

3.2.3. Cần tổ chức các đợt tập huấn

Tập huấn ngắn ngày về thủ tục cấp GCN QSDĐ 2 tên cho cán bộ Phòng TN&MT huyện và các cán bộ địa chính xã về:

- Lợi ích của GCN QSDĐ 2 tên đối với các hộ gia đình và với phụ nữ, với địa phương
- Hướng dẫn nghiệp vụ: thủ tục, trình tự, thời gian cấp mới và đổi sổ hai tên Nâng cao năng lực cho cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cơ sở.

Tập huấn nâng cao nhận thức giới, lồng ghép giới vào kế hoạch hoạt động ở địa phương và kỹ năng hoạt động cộng đồng cho cán bộ lãnh đạo. Việc tập huấn gắn liền với đặc điểm công tác của các ban ngành, đặc biệt chú trọng kỹ năng phân tích giới, lập kế hoạch có trách nhiệm giới, cơ chế giám sát, đánh giá có trách nhiệm giới. Các kỹ năng sử dụng trong công tác ở cộng đồng có hiệu quả.

Tập huấn kỹ năng truyền thông cho các hướng dẫn viên về luật đất đai, Luật phòng chống bạo lực gia đình, luật Bình đẳng giới; Giới và lồng ghép giới vào kế hoạch hoạt động cộng đồng; Kỹ năng ứng xử trong gia đình.

3.2.4. Các mẫu GCN QSDĐ phải được in lại với khoảng cách ghi đủ 2 tên người sử dụng đất là vợ và chồng

3.2.5. Cải cải thủ tục hành chính trong việc cấp mới/ đổi sổ hai tên tránh gây phiền hà cho người dân

Một trong những điều mà người dân tham gia các TLN và PVS ở các xã thuộc địa bàn

khảo sát là chỉ sợ đổi sổ hai tên thì phải mất nhiều thời gian đi lại để làm thủ tục. Vì vậy khi người dân đã thông chính sách và sẵn sàng đổi sổ, đòi hỏi cán bộ phòng TNMT của huyện và cán bộ địa chính xã phải cải cách thủ tục hành chính để đáp ứng yêu cầu cấp mới/ đổi GCN QSDĐ 2 tên được nhanh chóng, tránh gây phiền hà cho dân

3.2.6. Hiện nay phần lớn GCN QSDĐ 1 tên của các hộ gia đình đều đang nằm ở ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (60 % ở Đà Bắc và 70 -75% ở Tam Đường, tỉ lệ tương đương tại Ninh Phước, Yang Mang...), khi có chủ trương đổi sổ một tên thành sổ hai tên, các ngân hàng phải có biện pháp tạo điều kiện để người dân có thể rút sổ ra khỏi ngân hàng để làm thủ tục chuyển đổi

3.2.7 Giảm, miễn lệ phí đổi/cấp sổ hai tên cho các gia đình nghèo .

Ở vùng đồng bằng và đô thị việc nộp một khoản tiền lệ phí nhỏ để đổi GCN QSDĐ là điều không lớn nhưng đối với bà con các dân tộc miền núi nghèo, không có nguồn thu nhập nào đáng kể thì việc phải chi phí cho đổi sổ cũng là điều họ phải cân nhắc. Vì vậy nên có chế độ khuyến khích đổi sổ hai tên không thu hoặc giảm lệ phí này cũng tạo điều kiện để thúc đẩy việc cấp GCN QSDĐ 2 tên.

3.2.8. Đối với AAV

Tiếp tục hỗ trợ các vùng dự án việc xóa mù chữ vì phần lớn phụ nữ dân tộc thiểu số ở địa bàn khảo sát (huyện Tam Đường, Ninh Phước, Yang Mang...) vẫn còn chưa thành thạo và không biết tiếng Kinh. Dự án hỗ trợ việc thông tin, tuyên truyền các văn bản chính sách về GCN QSDĐ 2 tên, Luật đất đai, Luật bình đẳng giới,...

AAV cần mở rộng nghiên cứu phản hồi chính sách về quyền phụ nữ trong việc tiếp cận đất đai, về sử dụng đất đai có hiệu quả phát triển kinh tế giảm nghèo nông thôn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật đất đai 2003, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia
2. Các văn bản hướng dẫn thi hành Luật đất đai 2003 của CP và các bộ ngành liên quan (Xem danh mục trong phụ lục 1)
3. Báo cáo Tình hình cấp GCN QSDĐ QSD đất số 93/BC-CP ngày 19/10/2007
4. Luật Bình đẳng Giới của Quốc hội Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 29/11/2006
5. Quản lý và sử dụng đất đai ở nông thôn miền Bắc Việt Nam, NXB Lao động xã hội, 2005
6. Trang thông tin điện tử tỉnh Hoà Bình
7. Trang thông tin điện tử tỉnh Lai Châu
8. Báo cáo Quy hoạch tổng thể phát triển KT XH huyện Đà Bắc (HB) thời kỳ 2001 -2010
9. Trích Báo cáo tình hình kinh tế xã hội huyện Tam Đường, AAV Tam Đường cung cấp
10. Báo cáo UNDP về Bình đẳng giới, 2006
11. Trang thông tin điện tử Hội LHPN Việt Nam
12. Báo cáo tình hình KTXH của xã Bình Lư (TĐ, LC) năm 2007
13. Báo cáo tình hình KTXH của xã Bản Bo (TĐ, LC) năm 2007
14. Báo cáo tình hình KTXH của xã Tú Lý (ĐB,HB) năm 2007
15. Báo cáo tình hình KTXH của xã Hào Lý (ĐB,HB) năm 2007
16. Tài liệu hướng dẫn phương pháp tiếp cận giáo dục phát triển cộng đồng (Chuyên đề 7: Giới và phát triển cộng đồng bền vững) do AAV và Trung tâm NC CL& PT chương trình giáo dục không chính quy xuất bản, NXB Giáo dục 2007
17. Hỏi và đáp về Luật đất đai, NXB Tư pháp, 2005
18. Kỹ yếu hội thảo: Giới, truyền thông và phát triển, Tạp chí Thanh niên năm 2002

NHÓM KHẢO SÁT:

Hòa Bình – Lai Châu:

Trần Thị Minh Châu, Viện Tư vấn Phát triển Kinh tế Xã hội Nông thôn và Miền núi CISDOMA
Nguyễn Thị Thiêm, Viện Tư vấn Phát triển Kinh tế Xã hội Nông thôn và Miền núi CISDOMA
Nguyễn Văn Phấn, Hội Nông dân Hòa Bình
Bùi Đức Thành, Trung tâm Nghiên cứu phát triển cộng đồng nông thôn CCRD

Ninh Thuận – Gia Lai

Bùi Khắc Vư, Trung tâm ứng dụng phát triển công nghệ Asianplant
Trần Thuỳ Linh, Trung tâm Nghiên cứu phát triển cộng đồng nông thôn CCRD
Trần Vũ, Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng Khoa học về Giới – Gia đình - Phụ nữ - Vị thành niên CSAGA
Đặng Thế Nhân, ActionAid Việt Nam
Trần Văn Đức, ActionAid Việt Nam

Vĩnh Long – Trà Vinh:

Bùi Thị Thuý Kiên, Trung tâm Nghiên cứu Giới – Gia đình và Phát triển Cộng đồng GFCD
Trương Xuân Phong, Trung tâm Hỗ trợ Phát triển CDA
Mai Thị Bưởi, Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng Khoa học về Giới – Gia đình - Phụ nữ - Vị thành niên CSAGA
Hồ Xuân Huy, ActionAid Việt Nam
Phạm Phi Anh, ActionAid Việt Nam

Biên tập:

.....Liên, Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng khoa học về Giới - Gia đình - Phụ nữ và Vị thành niên CSAGA
Trần Hồng Điệp, Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng khoa học về Giới - Gia đình - Phụ nữ và Vị thành niên CSAGA
Trương Quốc Cần, ActionAid Việt Nam
Hà Quỳnh Anh, ActionAid Việt Nam
Chu Vân Anh, ActionAid Việt Nam

ACTIONAID VIỆT NAM

Văn phòng Quốc gia

Phòng 502, tòa nhà HEAC
14-16 Hàm Long, Hà Nội, Việt Nam
ĐT: ++84-4-943 9866 * Fax: ++84-4-943 9872
E-mail: mail.aav@actionaid.org
Website: www.actionaid.org.vn

Văn phòng phía Nam

Phòng 6.2, tòa nhà Mỹ Vinh
250 Nguyễn Thị Minh Khai, P.6, Q3
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
ĐT: ++84-8-930 7501 * Fax: ++84-8-930 7502
E-mail: hcmoffice.aav@actionaid.org